



**Hanoimilk**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Annual Report**  
**2009**



## **DANH MỤC TÀI LIỆU**

- I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2009 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**
  
- II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2009 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2010**
  
- III. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2009 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
  
- IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2009 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
  
- V. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỐN**
  
- VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2009  
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Hanoimilk”)

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Hội đồng quản trị”) xin báo cáo như sau về quản lý Công ty năm 2009 và định hướng đầu tư phát triển Công ty.

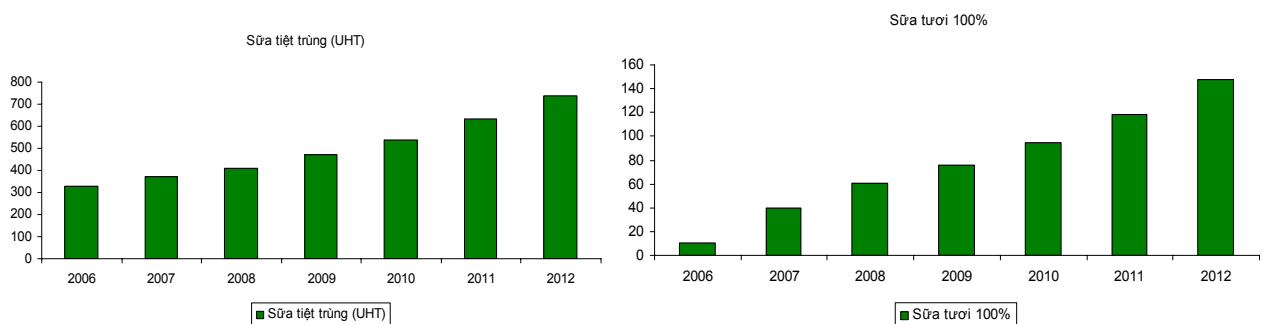
### I. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC

#### 1. Tình hình năm 2009:

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và do những khó khăn nội tại của nền kinh tế nên trong năm 2009, kinh tế Việt Nam trải qua nhiều biến động. Năm 2009, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 5,32%, thấp hơn tốc độ tăng 6,18% của năm 2008. Thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng dao động mạnh.

Trong môi trường kinh tế vĩ mô bất ổn như vậy, giá ngoại tệ, giá xăng dầu và giá các nguyên vật liệu chính như đường, sữa ...vv liên tục tăng và khan hiếm.

Bất chấp những ảnh hưởng xấu của môi trường kinh tế, ngành sữa Việt Nam vẫn tăng trưởng với tốc độ bình quân trên 20%/năm. Thị phần sữa ở Việt Nam đang được dẫn đầu bởi 2 thương hiệu lớn là Vinamilk và Dutch Lady.



Tốc độ tăng trưởng sữa tiệt trùng 15-20%/năm

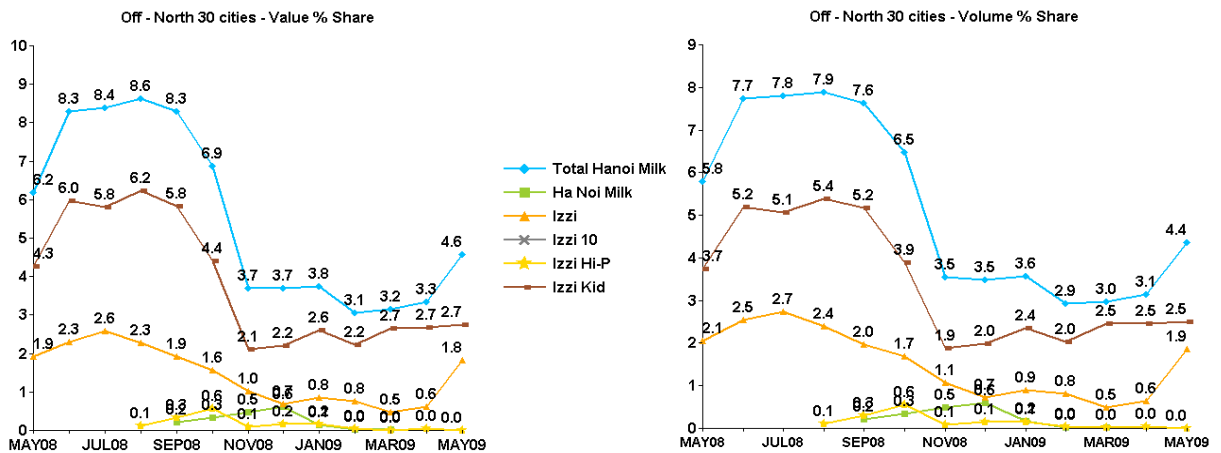
Tốc độ tăng trưởng sữa tươi 100% từ 20-30%/năm

Sau sự kiện Melamine, người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang sử dụng sữa tươi nhiều hơn, chính vì vậy các thương hiệu được “gắn” với tên của các vùng nguyên liệu như Mộc Châu, Ba Vì có nhiều lợi thế cạnh tranh. Tăng trưởng sữa tươi đạt từ 20% đến 30%.

Cuộc cạnh tranh khốc liệt đang diễn ra ở phân khúc sữa nước, các công ty sữa đua nhau tăng giá thu mua nguyên liệu và thực hiện giảm giá bán thành phẩm thông qua các chương trình khuyến mại, do vậy tỷ suất lợi nhuận giảm sút.

Trong bối cảnh như vậy, Hanoimilk bước vào năm 2009 với đầy khó khăn và thách thức. Đây mới thực sự là năm Công ty hứng chịu trọn vẹn mọi hệ lụy của “con bão Melamine” và gánh chịu các hậu quả nặng nề của các tồn đọng và yếu kém từ các năm trước để lại.

Kết thúc năm 2008, Công ty thua lỗ gần 50 tỷ đồng, người tiêu dùng mất lòng tin vào thương hiệu Hanoimilk, hàng hóa sản xuất ra không bán được, thành phẩm và nguyên vật liệu tồn kho lên tới gần 100 tỷ đồng, đời sống của hàng trăm người lao động bị đe dọa. Vào thời điểm đầu năm 2009, cổ phiếu của Hanoimilk giảm sâu xuống dưới mệnh giá, các nhà đầu tư có nguy cơ mất vốn.



Theo số liệu của AC Nielsen, trong thời gian cuối năm 2008 và đầu năm 2009, thị phần bán hàng của Hanoimilk ở kênh bán hàng chủ yếu chỉ đạt mức 3,1%, trong đó thị phần sữa tiệt trùng IZZI chỉ đạt 2,2%.

Trước tình thế khó khăn đó, ngày 12 tháng 4 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ VIII đã biểu quyết bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và thông qua Chương trình cải tổ Công ty. Kể từ đó Hanoimilk bước vào công cuộc cải tổ sâu rộng và đổi mới toàn diện.

Có thể nói, năm 2009 là một năm đầy khó khăn thách thức, một năm có nhiều xáo trộn và biến động ở Hanoimilk.

## 2. Nguyên nhân và các tồn tại cần giải quyết:

Ảnh hưởng xấu của cơn bão Melamine đối với năm 2009 và các năm tiếp theo là rất nặng nề, nhưng cơn bão Melamine chỉ gây thiệt hại về tài chính cho Hanoimilk năm 2008 không quá 10 tỷ đồng, sự thua lỗ lớn hơn (trên 26 tỷ đồng) thuộc về các lô sữa kinh doanh thương mại từ đầu năm 2008. Thêm vào đó, sản xuất – kinh doanh đã bắt đầu kém hiệu quả từ cuối năm 2007.

Căn nguyên của những thua lỗ và thất bại nói trên bắt nguồn từ việc Hanoimilk không có cơ cấu cổ đông hợp lý, không có các cổ đông lớn gắn bó quyền lợi và trách nhiệm với Hanoimilk. Quan niệm “Công ty cộng đồng” ngự trị nhiều năm ở Hanoimilk, làm giảm trách nhiệm cá nhân và khuyến khích việc “vắt sữa” Hanoimilk.

Những sai lầm về chiến lược và quản lý điều hành yếu kém từ nhiều năm ở Hanoimilk đã đưa Công ty đi chệch hướng và sản xuất - kinh doanh kém hiệu quả.

Chủ trương của Hội đồng quản trị cũ về việc mở rộng kinh doanh sang nhiều lĩnh vực đã khởi nguồn cho việc kinh doanh sữa thương mại bị thua lỗ và hàng loạt dự án dở dang không có hiệu quả. Chủ trương sản xuất hàng giá rẻ và tìm kiếm các nhà cung cấp giá rẻ đã làm giảm uy tín, chất lượng của Hanoimilk.

Việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc cũ không chuyên nghiệp nên nhiều tài sản và máy móc thiết bị bị lãng phí, tồn kho thành phẩm và nguyên vật liệu quá lớn làm cho chi phí sản xuất cao. Chính sách bán hàng không hợp lý và hệ thống bán hàng không bài bản, không sâu sát tới từng cán bộ, nhân viên bán hàng và các nhà phân phối nên chi phí bán hàng cao và chi phí Marketing không hiệu quả.

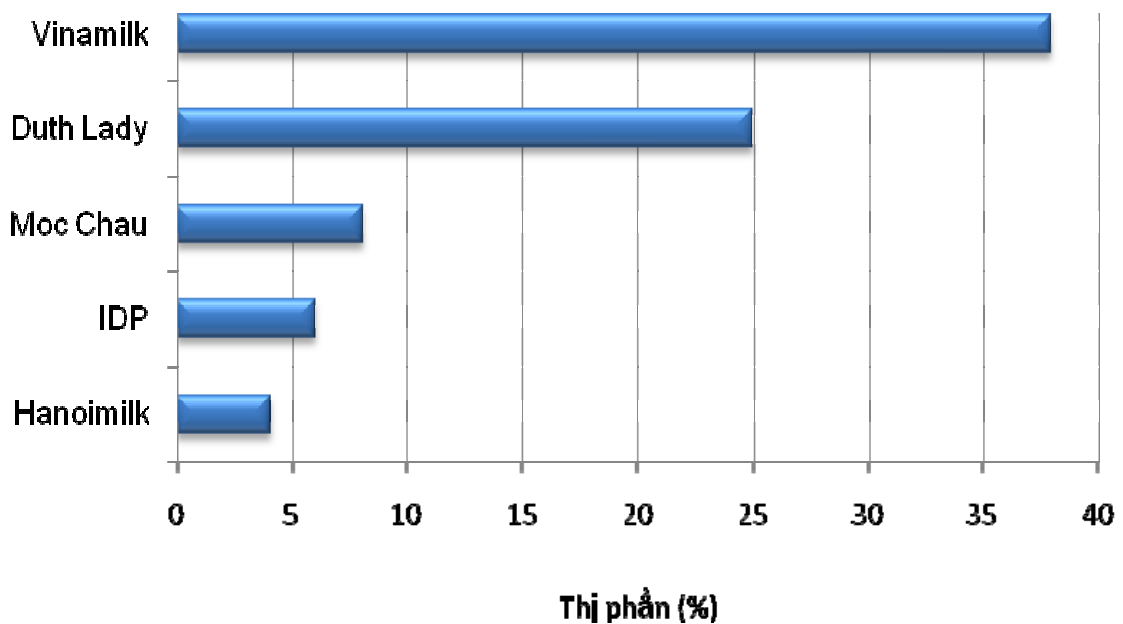
Thêm vào đó, do hệ thống kế toán lỏng lẻo, trình độ nghiệp vụ yếu nên Công ty đã bị phạt và truy thu thuế năm 2007 và năm 2008 gần 6 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị mới đã nghiêm túc, khách quan xem xét đánh giá các nguyên nhân đưa đến các thua lỗ thất bại của Hanoimilk năm 2008 để tìm ra các giải pháp chữa trị và khắc phục.

### 3. Những khó khăn và thách thức mới:

Như đã trình bày ở trên, cuộc cạnh tranh giữa các Công ty Sữa đang diễn ra khốc liệt. Sau năm 2008, Hanoimilk từ vị trí thứ 3 đã tụt xuống vị trí thứ 5 trong hàng ngũ các Công ty sữa Việt Nam cả về doanh thu lẫn sản lượng.

Biểu đồ sau đây cho thấy hai thương hiệu lớn chiếm phần lớn thị phần. Nếu không bứt phá trở về vị trí thứ 3, Hanoimilk sẽ khó tồn tại lâu dài và sẽ dần bị loại khỏi cuộc chơi.



Ngày 19 tháng 5 năm 2009, Hội đồng quản trị mới của Hanoimilk đã thông qua chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2010-2015, theo đó hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu phát triển Hanoimilk thành Công ty Sữa chuyên nghiệp đạt các tiêu chuẩn quốc tế, sớm trở lại vị trí thứ 3 trong hàng ngũ các Công ty Sữa ở Việt Nam và là Công ty Sữa số 1 dành cho trẻ em. Đây là các mục tiêu cấp thiết và xứng đáng để phấn đấu nhưng sẽ rất khó khăn và thách thức đối với toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Hanoimilk.

## II. CÔNG VIỆC ĐÃ TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ

Chương trình cải tổ Công ty được Đại hội đồng cổ đông lần thứ VIII thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2009 thực sự là đơn thuốc tổng hợp và mạnh mẽ chữa trị và khắc phục những yếu kém ở Hanoimilk và đưa Công ty lên một tầm cao mới. Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã dũng cảm và phấn đấu không mệt mỏi trong hơn một năm qua để triển khai chương trình cải tổ một cách đồng bộ, triệt để và đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Có thể kể ra các công việc đã triển khai như sau:

1. **Về tái cơ cấu cổ đông:** Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2,5 triệu cổ phiếu mới và lựa chọn hai cổ đông chiến lược, gắn bó quyền lợi và trách nhiệm với sự phát triển của Hanoimilk. Cho đến thời điểm hiện tại, đã hình thành nhóm cổ đông nòng cốt hậu thuẫn và ủng hộ cho công cuộc cải tổ của Hanoimilk.

2. **Về chiến lược Công ty:** Hanoimilk đã xây dựng chiến lược phát triển cho đến năm 2015. Chiến lược này là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu trở lại vị trí thứ 3 trong hàng ngũ các Công ty sữa ở Việt Nam và sẽ trở thành Công ty số 1 về sữa dành cho trẻ em. Chiến lược Marketing và PR cho nhãn hiệu sản phẩm và quảng bá Công ty cũng đã và đang được xây dựng và tổ chức thực hiện.
3. **Về quản lý và tổ chức:** Hanoimilk đã áp dụng mô hình quản lý giống như mô hình của các Công ty chuyên nghiệp quốc tế, bao gồm khối Marketing – Bán hàng và chuỗi Sản xuất – Cung ứng hàng hóa (được gọi là Supply chain). Công ty đã mạnh dạn thay đổi hầu hết nhân sự từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Trưởng các phòng ban chủ chốt và các Giám đốc bán hàng. Cùng với việc sử dụng và đào tạo lại đội ngũ công nhân viên cần cù, có tay nghề cao, Hanoimilk đã và đang tập hợp được một đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ và kinh nghiệm làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, gắn bó và quyết tâm cao vì sự phát triển của Hanoimilk, và đó chính là sức mạnh cội rễ của một Hanoimilk mới.
4. **Về Tài chính - Kế toán:** Công ty đã tổ chức lại phòng Tài chính – Kế toán và sử dụng dịch vụ của Công ty kiểm toán quốc tế Ernst & Young. Mọi số liệu kế toán đã được cập nhật và báo cáo minh bạch, trung thực. Theo đánh giá của Công ty kiểm toán và các Ngân hàng, kể từ quý IV/2009 đến nay, công tác quản lý Tài chính - Kế toán và tình hình tài chính của Hanoimilk đã được cải thiện rõ rệt và Công ty được xác nhận là một công ty có tình hình tài chính lành mạnh.
5. **Về kiểm soát chi phí và nguyên vật liệu:** Công ty đã phát động phong trào thi đua tiết kiệm để tiết giảm chi phí, theo đó tất cả các phòng ban, bộ phận trong Công ty đã rà soát và tiết kiệm được trên 6,17 tỷ đồng so với kế hoạch chi phí đã được Hội đồng quản trị cũ phê duyệt cho năm 2009. Kế hoạch ngân sách cho năm 2010 đã được xây dựng với các chi phí tiết kiệm nhất. Công ty đã nối lại và tăng cường quan hệ với các nhà cung cấp là các tập đoàn hàng đầu thế giới để có nguồn cung cấp nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đồng thời có được sự hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ, Marketing và phát triển sản phẩm mới. Vấn đề thu mua sữa tươi cũng đã được quan tâm và đang được cải thiện.
6. **Về phát triển sản phẩm mới và nâng cao chất lượng:** Công ty đã tổ chức lại Phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới (R&D) và chuyển đổi Phòng kiểm soát chất lượng (QC) thành phòng đảm bảo chất lượng (QA). Với sự hợp tác của các tập đoàn hàng đầu thế giới: Tetra Pak, Fonterra, EAC, Platinit, ... Hanoimilk đã chính thức ra mắt sản phẩm sữa IZZI mới đạt các chứng chỉ phân tích chất lượng quốc tế, thể hiện sự vươn lên tầm cao mới của Hanoimilk. Sản phẩm sữa chua Hanoimilk mới cũng đang được khách hàng ưa chuộng và đánh giá là sữa chua ngon nhất. Công ty đã và đang đầu tư hàng chục tỷ đồng để đại tu và nâng cao chất lượng dây chuyền thiết bị. Hệ thống ISSO và HACCP đang được siết chặt để kiểm soát chất lượng ngay từ khâu nhập nguyên vật liệu đầu vào đến suốt quá trình sản xuất, lưu kho và dịch vụ bán hàng. Hanoimilk đã và đang làm tất cả những gì cần thiết để sản xuất ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.
7. **Về Marketing và Bán hàng:** Chiến dịch tái tung sản phẩm IZZI mới đang được triển khai một cách chuyên nghiệp theo đúng chiến lược của Hội đồng quản trị. Chương trình quảng bá thương hiệu Hanoimilk cũng đã bắt đầu được triển khai. Công ty đã và đang tổ chức lại hệ thống bán hàng một cách bài bản và chuyên nghiệp, bắt đầu từ Hà Nội, mở rộng ra các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung và tiến quân vào Miền Nam. Hanoimilk đang sở hữu một đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, chăm chỉ và quyết tâm cao. Các bạn bán hàng đã lập được các kỷ lục chưa từng có từ tháng mùa đông năm 2009 cho đến nay. Theo số liệu của AC Nielsen, thị phần bán hàng của Hanoimilk từ cuối năm 2009 đến nay được cải thiện rõ rệt.

Kết thúc năm 2009, Công ty đạt tổng doanh thu 314,858 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 12,86 tỷ đồng. Hanoimilk vinh dự được nhận cúp vàng “Top 10 thương hiệu hội nhập WTO”.

### III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

#### 1. Định hướng chiến lược:

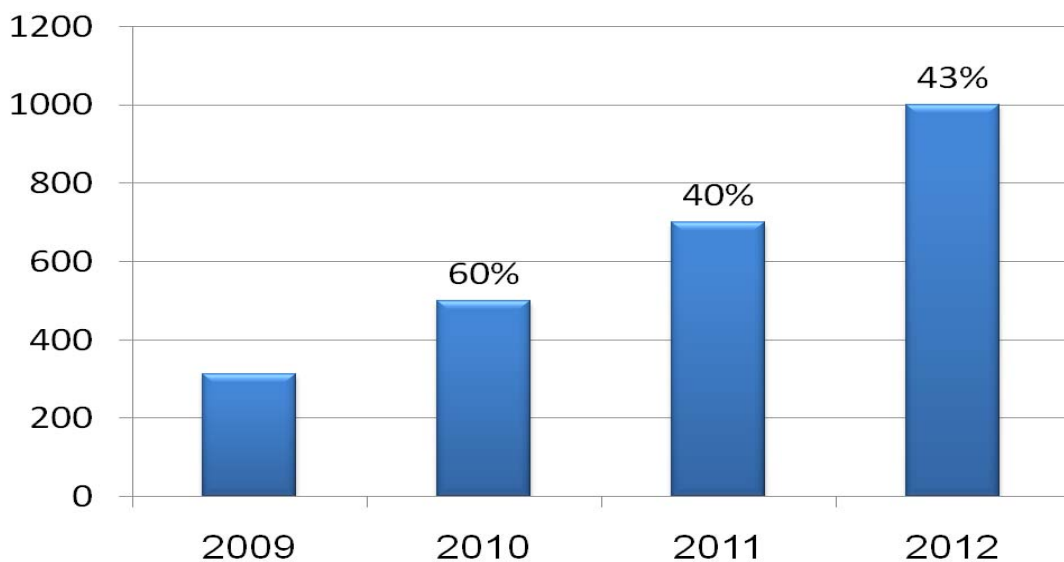
Mục tiêu và tầm nhìn theo Chiến lược phát triển Công ty là: Phát triển Hanoimilk thành Công ty sữa chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế, trở lại vị trí thứ 3 trong hàng ngũ các Công ty sữa ở Việt Nam và là Công ty số 1 về sữa dành cho trẻ em.

Với mục tiêu và tầm nhìn chiến lược như vậy, định hướng phát triển cho các năm tiếp theo là:

- Đầu tư phát triển các thương hiệu hiện có ( IZZI, Yotuti, Yoha, Hanoimilk) và đầu tư mở rộng và nâng cấp công suất nhà máy hiện có để tối đa hóa doanh thu;
- Duy trì và phát triển sản phẩm chủ lực sữa UHT (chiếm khoảng 80% doanh thu) và đầu tư phát triển sản phẩm sữa chua ăn (chiếm khoảng 20% doanh thu);
- Phát triển các sản phẩm mới với sự hợp tác của các của Tập đoàn hàng đầu thế giới như Tetra Pak, Fonterra, EAC, Platinit...vv;
- Tăng độ bao phủ ở thị trường Miền Bắc, Miền Trung và thâm nhập vào thị trường Miền Nam;
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để có nguồn sữa tươi tốt nhất nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng ngày càng gia tăng đối với mặt hàng sữa tươi;
- Xây dựng các nhà máy mới trên khu đất hiện có tại Quang Minh – Mê Linh, Hà Nội và tại Miền Nam để cung cấp đủ hàng hóa cho nhu cầu tăng trưởng Doanh thu sau năm 2012.

Với định hướng chiến lược nói trên, kế hoạch doanh thu cho các năm tiếp theo được xây dựng như sau:

**Kế hoạch Doanh thu (tỷ đồng)**



Để đạt được kế hoạch nêu trên, Công ty cần có sự bứt phá liên tiếp về doanh thu trong các năm từ 2010 đến 2012 với tốc độ tăng trưởng rất cao (trên 40%/ năm). Điều này đòi hỏi sự nỗ lực, phấn đấu không mệt mỏi của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty và rất cần sự giúp đỡ, ủng hộ của các cổ đông, các đối tác, các cơ quan chức năng và truyền thông. Để thực hiện kế hoạch doanh thu nói trên, Công ty cần phải triển khai ngay các dự án đầu tư như sẽ được trình bày ở phần tiếp theo đây.



## **2. Các dự án đầu tư.**

Với định hướng chiến lược như đã trình bày ở trên và để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày gia tăng, Hội đồng quản trị xin kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các dự án đầu tư sau đây:

### **(i) Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy tại Quang Minh - Mê Linh – Hà Nội:**

Tổng vốn đầu tư: 29 tỷ đồng

Mục đích đầu tư: Tăng công suất sản xuất sữa UHT từ 30 triệu lít/năm lên 50 triệu lít/năm để đáp ứng nhu cầu bán hàng và để sử dụng tối ưu cơ sở vật chất và thiết bị hiện có, tăng hiệu suất của dây chuyền thiết bị và đảm bảo các qui định về vệ sinh môi trường.

Thời gian thực hiện: 2010 – 2012

### **(ii) Dự án đầu tư phát triển sữa chua ăn:**

Tổng vốn đầu tư: 30,9 tỷ đồng

Mục đích đầu tư: Tăng công suất sản xuất sữa chua ăn từ 5 triệu lít/năm lên 15 triệu lít/năm để đáp ứng nhu cầu bán hàng và nhằm sử dụng tối ưu cơ sở vật chất và thiết bị hiện có, xây dựng thương hiệu sữa chua ăn Hanoimilk và IZZI, xây dựng mạng lưới phân phối sữa chua ăn.

Thời gian thực hiện: 2010 – 2012

### **(iii) Dự án đầu tư phát triển sản phẩm mới sữa chua uống:**

Tổng vốn đầu tư: 15 tỷ đồng

Mục đích đầu tư: Phát triển sản phẩm mới sữa chua uống với bao bì mới TCA nhằm mục đích tăng doanh số, lợi nhuận và trở thành Công ty đầu tiên trên thị trường có sản phẩm sữa chua uống trong bao bì Classic.

Thời gian thực hiện: 2010 – 2011

### **(iv) Dự án đầu tư phát triển thị trường Miền Nam:**

Tổng vốn đầu tư: 13,6 tỷ đồng

Mục đích đầu tư: Xây dựng thương hiệu tại thị trường Miền Nam, mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu và tăng thị phần của Hanoimilk tại thị trường Việt Nam.

Thời gian thực hiện: 2010 – 2011

### **(v) Dự án xây dựng văn phòng làm việc mới:**

Tổng vốn đầu tư: 8,4 tỷ đồng

Mục đích đầu tư: Tách khu vực văn phòng ra khỏi khu vực sản xuất, tận dụng cơ sở vật chất sẵn có, mở rộng mặt bằng sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao uy tín Công ty.

Thời gian thực hiện: 2010 – 2011

### **(vi) Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu :**

Tổng vốn đầu tư: 50 tỷ đồng

Mục đích đầu tư: Để chủ động nguồn sữa tươi tốt nhất nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng ngày càng gia tăng đối với mặt hàng sữa tươi. Tạo niềm tin cho người tiêu dùng, tăng uy tín cho các sản phẩm của Hanoimilk.

Thời gian thực hiện: 2010 – 2015

Trên đây là nội dung báo cáo về quản lý Công ty năm 2009 và định hướng đầu tư phát triển Hanoimilk giai đoạn 2010-2015 của Hội đồng quản trị. Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông.  
Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông (để báo cáo);
- Ban kiểm soát;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Hà Quang Tuấn**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC  
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009  
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2010**



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2010

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2010**

***Kính gửi:*** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Hanoimilk”)

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội xin báo cáo như sau về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2009 và kế hoạch năm 2010.

### **I. Tình hình năm 2009:**

#### ***1. Tình hình chung:***

Năm 2009 kinh tế Việt nam trải qua nhiều biến động với dư âm của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Do mất cân đối về cán cân thanh toán, tình trạng khan hiếm ngoại tệ diễn ra ở hầu hết các tháng trong năm. Giá USD tăng so với năm 2008, việc mua USD từ ngân hàng rất khó, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch cung ứng vật tư của Hanoimilk. Giá các loại nguyên vật liệu chính đều tăng mạnh như giá bột sữa tăng từ 2.100USD/tấn lên trung bình 2.900USD/tấn, sữa tươi tăng từ 6.500 đồng/kg lên 9.000 đồng/kg, giá đường tăng từ 9.500 đồng/kg lên 16.000 đồng/kg. Giá các loại nguyên liệu khác và năng lượng cũng tăng đáng kể, như giá điện, xăng dầu làm giá thành sản phẩm tăng khoảng trên 10%. Trong khi đó giá bán chỉ tăng được trung bình 6-7% do thị trường sữa nước tiệt trùng có sự cạnh tranh khốc liệt và tính nhạy cảm của việc tăng giá bán.

#### ***2. Tình hình Hanoimilk:***

Đối với Hanoimilk, 2009 là năm chịu tác động chính của ảnh hưởng tiêu cực từ “con bão Melamine” diễn ra bắt đầu từ ngày 23/09/2008.

Vào cuối năm 2008, tổng tồn kho của Hanoimilk lên tới 97,6 tỉ đồng, chiếm gần 50% tổng tài sản hiện có, trong đó tồn kho nguyên vật liệu chính là hơn 80,6 tỉ đồng liên quan đến các lô sữa bột thương mại cần thanh lý. Khả năng thanh toán nhanh chỉ còn 0,042 lần. Tồn kho thành phẩm tương đương với khoảng 2 tháng bán hàng trong hoàn cảnh sức mua chậm, nhiều mặt hàng có nguy cơ quá hạn sử dụng phải thu hồi. Khách hàng và người tiêu dùng rất dè dặt khi lựa chọn sản phẩm của Hanoimilk, nhiều khách hàng yêu cầu trả lại hàng. Niềm tin của nhà phân phối và các đối tác vào Hanoimilk giảm sút nghiêm trọng, hệ thống nhân sự rệu rã, chán nản và làm việc thiếu sinh khí. Tính đến tháng 8 năm 2009, gần như toàn bộ nhân sự chủ chốt của các phòng ban và nhân sự phòng kinh doanh, từ giám sát bán hàng trở lên đã nghỉ việc tại Hanoimilk.

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 là 49.863.509.313 đồng.

## II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009:

Đứng trước những khó khăn và thách thức trên, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc, kể từ Quý II năm 2009, Công ty đã tiến hành công cuộc cải tổ toàn diện và sâu rộng. Ban giám đốc công ty đã triển khai các gói giải pháp cụ thể để từng bước đưa công ty vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh và tạo nền tảng cho một sự phát triển bền vững. Công ty đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, thể hiện qua các chỉ tiêu chính sau đây:

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Tỷ lệ (%) (09/08)	Tỷ lệ (%) (Thực hiện/KH)
Tổng doanh thu đã bao gồm thuế	314.858	389.242	343.200	80,9	91,74
Tổng doanh thu chưa thuế	286.234	353.856	312.000	80,9	91,74
Doanh thu thuần	274.955	349.843		78,6	
Lợi nhuận trước thuế	13.282	(44.869)	6.350	-	209,17
Lợi nhuận sau thuế	12.860	(45.231)	5.720	-	224,84
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	1.029	(4.513)	457,6	-	224,84
Nợ phải trả	57.706	89.208		64,7	
Vốn chủ sở hữu	155.496	118.893		130,8	
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>213.202</b>	<b>208.101</b>		<b>102,4</b>	
<b>Lương trung bình</b>	<b>4,090</b>	<b>3,315</b>		<b>123,4</b>	

Kết quả trên đây cho thấy công ty đã đạt được hầu hết các chỉ tiêu đề ra cho năm 2009, ngoại trừ chỉ tiêu doanh thu. Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu năm 2009:

- (i) Ảnh hưởng trực tiếp của cuộc khủng hoảng Melamine: Hàng hóa không bán được, các Nhà phân phối tiếp tục trả hàng về. Cụ thể, tháng 1 năm 2009, doanh thu bán hàng chỉ đạt 9.612.889.600 đồng, đạt 82% so với kế hoạch và đạt 56% so với cùng kỳ năm trước;
- (ii) Tại thời điểm cuối tháng 7 năm 2009, Ban lãnh đạo mới quyết định điều chỉnh số bán bằng cách không cho phép các Nhà phân phối gửi hàng tại kho của công ty, dẫn đến số

bán thực trong tháng 7 chỉ đạt 18.267.856.800 đồng, đạt 46% so với kế hoạch và đạt 45% so với cùng kỳ năm trước;

- (iii) Trong năm 2009, công ty đã áp dụng giảm giá trực tiếp trên hóa đơn tài chính phần chi chiết khấu cho các Nhà phân phối nên tổng doanh thu giảm khoảng 7% so với cách hạch toán và tính doanh thu trước đó (trước đó, khoản chiết khấu này được hạch toán là chi phí bán hàng, dẫn đến phần chi phí bán hàng cao trong khi bút toán này không phản ánh đúng nghiệp vụ phát sinh);
- (iv) Trong tổng doanh thu năm 2008, doanh thu từ hoạt động thương mại là 61.241.133.797 đồng (chiếm 15,7%) trong khi trong tổng doanh thu năm 2009, chỉ có 12.313.437.711 đồng (chiếm 3,9%) là doanh thu khác, mà chủ yếu là từ việc bán nốt lô sữa bột còn tồn đọng từ những năm trước đó.

Kể từ khi Ban lãnh đạo mới chính thức điều hành, công ty đã có sự thay đổi toàn diện, đem lại kết quả bước đầu ở hầu hết các bộ phận và các mảng công việc, cụ thể là:

### **1. Khối Marketing – Bán hàng:**

#### **Marketing:**

- (i) Đã xây dựng thành công kế hoạch triển khai thực hiện việc tái tung sản phẩm IZZI mới. Theo đó, hình ảnh nhãn hiệu IZZI đã được cải thiện một cách rõ rệt. IZZI được biết đến là một sản phẩm sữa đạt các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế dành cho trẻ em có bổ sung dưỡng chất cần thiết cho trẻ như: Synergy1 - tăng cường năng lượng trí não và Palatinose – tăng khả năng hấp thụ canxi;
- (ii) Đưa ra thị trường sản phẩm sữa chua ăn Hanoimilk mới với Synbiotics – kết hợp giữa Probiotics và Prebiotics;
- (iii) Thị phần của Hanoimilk ở Hà nội đã được cải thiện vào những tháng cuối năm 2009 (theo báo cáo của công ty AC Nielson): Thị phần giá trị đạt 3.9%, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước; tương tự, thị phần sản lượng đạt 3.8%, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước;
- (iv) Marketing bán hàng: với mục tiêu thúc đẩy doanh số bán, nâng cao hình ảnh, sự hiện diện của sản phẩm và gia tăng số lượng cửa hàng, Marketing đã ưu tiên tập trung hỗ trợ bán hàng bằng các chương trình trưng bày hàng tại điểm bán, xây dựng sự trung thành của khách hàng với sản phẩm của công ty và dần lấy lại niềm tin của khách hàng đối với các chương trình mà công ty triển khai.

#### **Bán hàng:**

Sau cuộc khủng hoảng Melamine, hoạt động bán hàng của Công ty đã phải đối mặt với rất nhiều thách thức khó khăn. Đội ngũ nhân sự cao cấp của bộ phận bán hàng đã được củng cố kể từ tháng 8 năm 2009. Hệ thống phân phối và bán hàng của Công ty cũng đã bắt đầu được xây dựng lại theo mô hình chuyên nghiệp và bước đầu đã cho kết quả khả quan:

- (i) Doanh số 3 tháng cuối năm 2009 luôn đạt các mức kỷ lục so với cùng kỳ các năm trước đó, tổng sản lượng bán hàng 5 tháng cuối năm 2009 đạt 123 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2008:

Năm	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Quý 4
2005	22.802.203.200	20.821.116.960	22.107.568.800	65.730.888.960
2006	20.513.640.300	20.159.568.680	14.099.154.040	54.772.363.020
2007	21.209.288.126	18.865.748.054	18.314.477.412	58.389.513.603
2008	5.718.452.800	14.587.423.680	14.788.162.400	35.094.038.880
<b>2009</b>	<b>26.400.272.640</b>	<b>26.465.058.250</b>	<b>25.192.366.750</b>	<b>78.047.697.640</b>

- (ii) Độ phủ sản phẩm và thị phần nhãn IZZI của Hanoimilk được cải thiện rõ rệt tại các thị trường trọng điểm như Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Tính đến cuối tháng 12 năm 2010, Hanoimilk đã có trên 26.000 khách hàng hoạt động với mạng lưới trên 90 nhà phân phối;
- (iii) Kinh doanh tại chi nhánh Miền Nam được khôi phục, bắt đầu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh số toàn quốc.

## 2. *Khôì Cung ứng – Sản xuất:*

- (i) Đánh giá lại công tác cung ứng vật tư, rà soát và chuẩn hoá lại quy trình mua hàng để đảm bảo tuân thủ quy trình ISO và HACCP; đồng thời công khai, minh bạch về giá cả;
- (ii) Kiểm soát chặt chẽ các nguyên vật liệu chính quyết định đến chất lượng và giá thành sản phẩm, tìm kiếm và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các nhà cung cấp lớn với các sản phẩm có chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh và nguồn cung ổn định;
- (iii) Tập trung công tác chỉ đạo điều hành, lập kế hoạch và triển khai mua hàng kịp thời để đáp ứng nhu cầu sản xuất và bám sát diễn biến của thị trường nguyên liệu nhằm tiết kiệm tối đa vốn đầu tư;
- (iv) Đầu tư và chỉ đạo sát sao việc nâng cao chất lượng sản phẩm: thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá lại tất cả các khâu từ nguyên liệu đầu vào đến đầu ra của sản phẩm, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị và nâng cao quy trình kiểm soát chất lượng. Trong năm đã đầu tư đại tu lại toàn bộ hệ thống máy rót sữa nước để đảm bảo chất lượng và công suất vận hành;
- (v) Rà soát lại chi phí vận chuyển hàng tới Nhà phân phối nhằm nâng cao chất lượng, giảm chi phí vận chuyển.

### *Các kết quả đã đạt được:*

- Trong năm đã nắm bắt kịp thời biến động giá sữa, giá đường nên đã tiến hành mua nguyên vật liệu (đường, sữa bột) vào các thời điểm thuận lợi, trước lúc giá tăng, tiết kiệm được cho công ty trên 4 tỷ đồng;
- củng cố và xây dựng lại quan hệ đối tác chiến lược với các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính, có uy tín và chất lượng quốc tế: giấy đóng gói, sữa bột, bơ, đường, hương liệu. Đó là các tập đoàn và công ty thương mại lớn như Tetra Pak – Thụy Điển, Fonterra - New Zealand, EAC Chemicals, Beneo, Platinit, SIM;
- Củng cố nguồn cung và chất lượng thu mua sữa bò tươi. Hiện tại có nguồn cung vững chắc từ các vùng nguyên liệu chính phía Bắc như Ba Vì, Yên Lạc-Vĩnh phúc, Phù đồng với sản lượng ổn định và chất lượng đảm bảo;
- Sau khi đại tu lại toàn bộ máy rót, tính đến cuối năm 2009, các máy đều đạt được tiêu chuẩn chất lượng 1/10.000 sản phẩm, đây là mức tiên tiến trong ngành chế biến sữa;
- Hiện tại các sản phẩm của Hanoimilk được đánh giá cảm quan là có hương vị và chất lượng tốt ngang bằng với các công ty sữa hàng đầu trên thị trường, đặc biệt là sản phẩm IZZI mới đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế;
- Hao phí bao bì giảm từ 2,25% xuống còn 1,5%;
- Việc thuê các công ty vận tải chuyên nghiệp vận chuyển hàng tới các Nhà phân phối (thay bằng dùng đội xe tải của công ty và các đơn vị vận tải không chuyên nghiệp trước đây) đã giúp tỷ trọng chi phí vận chuyển trên doanh số giảm từ 2,0% xuống còn khoảng 1,5%.

### **3. *Khôi Văn phòng:***

- (i) Công ty đã mạnh dạn thay đổi nhân sự bao gồm các trường bộ phận và một số vị trí then chốt khác. Mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên năm 2009 là 4.090.000 đồng, tăng 23,3% so với năm 2008. Số nhân viên bán hàng tại Nhà phân phối cũng tăng đáng kể: từ 262 người năm 2008 lên 395 người năm 2009;
- (ii) Các công tác đảm bảo vệ sinh môi trường cũng như công tác phòng chống cháy nổ được thực hiện một cách triệt để;
- (iii) Bộ phận Nhân sự không chỉ quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên mà còn đang nỗ lực xây dựng một môi trường văn hóa Hanoimilk mới;
- (iv) Năm 2009, công ty đã vinh dự được nhận cúp vàng “Top ten thương hiệu hội nhập WTO”.

Với tất cả sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên, công ty đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ về chỉ số lợi nhuận: kết thúc năm tài chính 2009, công ty đã đạt mức lợi nhuận 12,86 tỷ đồng, vượt 225% so với kế hoạch là 5,72 tỷ đồng.

## **III. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:**

### **1. *Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010:***



Bước sang năm 2010, môi trường kinh doanh của Hanoimilk có những cơ hội và thách thức sau đây:

**Cơ hội:**

- (i) Thị trường sữa nước tiếp tục phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là phân khúc sữa nước trẻ em mà Hanoimilk đang khai thác với nhãn hiệu IZZI: tốc độ tăng trưởng dự tính là trên 20% mỗi năm;
- (ii) Nhu cầu tiêu dùng của người dân ở các tỉnh và nông thôn sẽ tăng trưởng mạnh nhờ thu nhập được cải thiện và dân số đông. Đây là cơ hội rất lớn đối với mặt hàng sữa nước ở phân khúc bình dân một khi trẻ em nông thôn có đủ điều kiện tiêu dùng sữa hàng ngày;
- (iii) Về mặt địa lý, hiện tại các sản phẩm của Hanoimilk chủ yếu mới được phân phối ở Miền Bắc nơi có nhiều đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Trong khi đó nhãn IZZI của Hanoimilk đã được định vị khá rõ là nhãn dành cho trẻ em, không mang tính vùng miền nên có nhiều cơ hội thâm nhập thị trường miền Nam và miền Trung, nơi được đánh giá là có tiềm năng doanh số lớn;
- (iv) Phân khúc sữa chua ăn đang có tốc độ tăng trưởng cao và tỷ suất lợi nhuận lớn, hiện tại có ít đối thủ cạnh tranh lớn và chưa có nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng. Đây là cơ hội cho Hanoimilk khai thác hết công suất chế biến hiện có đồng thời tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, đa dạng hoá chủng loại sản phẩm và cải thiện tỷ suất lợi nhuận ròng.

**Thách thức:**

- (i) Nền kinh tế vĩ mô vẫn chưa hoàn toàn đi vào ổn định, chi phí vốn tiếp tục ở mức cao, tỷ giá và cung ngoại tệ biến động khó lường trong khi nguyên vật liệu chính phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu. Đây vẫn sẽ tiếp tục là một sức ép rất lớn lên giá thành và công tác quản trị tài chính, vật tư của Hanoimilk;
- (ii) Giá các loại nguyên vật liệu chính như sữa bột, sữa nước, đường đã có xu hướng tăng trong các tháng đầu năm và có thể sẽ diễn biến khó lường vào các tháng còn lại trong năm, trong khi việc tăng giá đối với mặt hàng sữa trên thị trường hiện đang rất nhạy cảm và tác động trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ;
- (iii) Với lợi thế vùng nguyên liệu sữa tươi, các đối thủ cạnh tranh tại thị trường chủ lực miền Bắc càng trở nên mạnh mẽ hơn nhờ dòng sản phẩm sữa tươi 100% nguyên chất. Hoạt động của các công ty này đã và đang tác động đến lựa chọn của người tiêu dùng và ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số và thị phần của dòng sản phẩm sữa nước tiệt trùng hoàn nguyên của Hanoimilk;
- (iv) Thương hiệu các sản phẩm của Hanoimilk vẫn chưa được là “nhãn hiệu được ưa chuộng hàng đầu” đối với người tiêu dùng, đặc biệt là với người tiêu dùng ở phía Nam.

Trên cơ sở phân tích các cơ hội và thách thức nêu trên, đồng thời dựa vào những điểm mạnh và hạn chế của Hanoimilk, Ban giám đốc công ty quyết tâm thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010 do Hội đồng quản trị giao với các chỉ tiêu tối thiểu như sau:

**Mục tiêu năm 2010:**

ĐVT: Triệu đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kế hoạch 2010</b>	<b>Thực hiện 2009</b>	<b>Tỷ lệ tăng trưởng (%)</b>
1. Doanh thu đã bao gồm thuế	420.000	314.858	33
2. Doanh thu chưa thuế	381.818	286.234	33
3. Giá vốn hàng bán	(290.237)	(202.006)	44
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	91.581	72.949	26
5. Doanh thu hoạt động tài chính	150	515	
6. Chi phí tài chính	(4.050)	(7.421)	(45)
7. Chi phí bán hàng	(57.166)	(42.471)	35
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.756)	(9.920)	49
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ HĐKD	15.759	13.236	19
10. Thu nhập khác		271	
11. Chi phí khác		(225)	
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác		45	
13. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế	15.759	13.282	19
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.576)	(421)	
15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	14.183	12.860	10
16. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đ/CP)	1.134	1.029	10

Để hoàn thành được những mục tiêu do Hội đồng quản trị đề ra cho năm tài chính 2010, Ban giám đốc công ty đã đưa ra các giải pháp sau:

1. Điều hành công ty theo mô hình 3 khối, trong đó khối Marketing - Bán hàng sẽ dẫn đạo mọi hoạt động kinh doanh, tạo ra nhu cầu khách hàng; các bộ phận khác trong công ty (Khối Cung ứng – Sản xuất và Khối Văn phòng) có nhiệm vụ đáp ứng các nhu cầu đó kịp thời với chất lượng cao nhất (cả về sản phẩm và dịch vụ);
2. Tiếp tục triển khai các hoạt động nhằm củng cố và khẳng định vị trí thương hiệu IZZI trên thị trường;
3. Đầu tư nghiên cứu và phát triển, thực hiện tung và tái tung các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đối với dòng sữa nước tiệt trùng và sữa chua;
4. Thực hiện chiến dịch truyền thông để người tiêu dùng hiểu đúng, hiểu đủ về Công ty Hanoimilk, xây dựng hình ảnh một Hanoimilk mới với các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế;

5. Xây dựng nền móng cho sự phát triển bền vững thông qua việc đầu tư phát triển mạng lưới phân phối:
  - a. Tăng trưởng chiều rộng:
    - i. Thâm nhập có chọn lọc vào thị trường miền Nam thông qua các chương trình tiếp thị tập trung; đồng thời sản xuất gia công tại miền Nam nhằm tiết kiệm chi phí vận chuyển và đáp ứng nhanh nhu cầu của khách hàng;
    - ii. Tập trung mở rộng độ phủ ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung, nơi mà thị trường vẫn còn đang “mở” cho các mặt hàng mang tính thiết yếu.
  - b. Tăng trưởng chiều sâu:
    - i. Xây dựng mô hình bán hàng chuyên nghiệp ở các thành phố lớn, nơi mà sự hiện diện và sự nhận biết về sản phẩm đã có, tuy nhiên sức mạnh của thương hiệu chưa thực sự được thiết lập trong hành vi lựa chọn của người tiêu dùng;
    - ii. Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ bán hàng nhằm xây dựng niềm tin và tính trung thành của khách hàng với thương hiệu của Hanoimilk.
6. Tiếp tục phát triển các mối quan hệ đối tác với các nhà cung cấp lớn và các vùng nguyên liệu trong nước để tận dụng sự hỗ trợ của các đối tác cũng như chủ động được nguyên liệu vật tư cho sản xuất;
7. Tiếp tục đầu tư cho việc nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hoá chi phí, cải thiện quy trình làm việc theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả, cắt giảm các chi phí và công đoạn không cần thiết, quản trị lương thưởng theo định mức và tiêu chí công việc;
8. Đào tạo và phát triển con người, xây dựng môi trường làm việc và văn hoá Công ty với phương châm: sáng tạo và chuyên nghiệp, đoàn kết và chia sẻ, cam kết và cống hiến, trung thực và minh bạch;
9. Tiếp tục xây dựng hệ thống tài chính - kế toán nhằm đảm bảo cập nhật đầy đủ, trung thực các số liệu; đồng thời xây dựng ngân sách hoạt động kinh doanh với chi phí tiết kiệm nhất.

Để có thể thực hiện được các mục tiêu đề ra cho năm tài chính 2010 và chuẩn bị cơ sở vật chất cho sự tăng trưởng và phát triển của các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo công ty kính đề nghị Hội đồng quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các dự án sau:

1. Dự án nâng cấp nhà máy;
2. Dự án phát triển sữa chua ăn;
3. Dự án xây mới khu văn phòng làm việc;
4. Dự án phát triển sữa tiết trùng vị chua;
5. Dự án Marketing cho thị trường miền Nam;
6. Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.

Nếu các dự án trên được thông qua, Ban giám đốc công ty sẽ cố gắng quyết tâm đạt mức doanh thu bán hàng trên 500 tỷ cho năm tài chính 2010, và đây sẽ là nền tảng cho sự bứt phá về tăng trưởng doanh thu cho những năm tiếp theo, nhằm sớm đạt được mục tiêu chiến lược mà Hội đồng quản trị đề ra cho Hanoimilk.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010. Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông (để báo cáo);
- Hội đồng quản trị;
- Lưu VP.

**TM. BAN GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN THỊ HỒNG**

**Tổng Giám đốc**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
VỀ QUẢN LÝ CÔNG TY CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ BAN GIÁM ĐỐC**



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2010

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Hanoimilk”)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2008;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội lần thứ VIII ngày 12 tháng 4 năm 2009.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“ Ban kiểm soát”) xin báo cáo như sau về quản lý Công ty năm 2009 của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

### PHẦN I PHẠM VI KIỂM SOÁT

#### I. Mục tiêu và phạm vi kiểm soát trọng yếu năm 2009:

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát theo các mục tiêu và phạm vi kiểm soát trọng yếu trong năm 2009 gồm:

- Kiểm soát chiến lược:** Xem xét việc lập kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2009, xây dựng các dự án đầu tư, sử dụng các tài sản lớn, xử lý các tồn tại và dự án dở dang từ năm trước,..vv theo Chiến lược đã được phê duyệt.
- Kiểm soát hoạt động:** Đánh giá việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, việc tổ chức cơ cấu quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống nhằm củng cố năng lực nhân sự và hệ điều hành để duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát Tài chính:** Kiểm tra các báo cáo tài chính theo định kỳ để đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phối kết hợp trao đổi làm việc cùng bộ phận Tài chính – Kế toán nhằm xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác lập báo cáo tài chính.

#### II. Phương pháp kiểm soát:

- Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc;
- Ban Kiểm soát thực hiện quyền kiểm soát trực tiếp thông qua các cuộc trao đổi/ phỏng vấn trực tiếp với các cán bộ thuộc các phòng ban chức năng của Công ty;

3. Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

## PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

### I. Kiểm soát công tác quản lý và điều hành Công ty:

1. Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội Cổ đông.
2. Các phiên họp của Hội đồng quản trị có số thành viên dự họp bảo đảm theo đúng quy định, số phiên họp trong năm 2009 bảo đảm quy định tối thiểu tại Điều lệ Công ty.
3. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội cổ đông và thực hiện Chương trình cải tổ Công ty.
4. Ban giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng các chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban giám đốc tuân thủ đúng các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Các quyết định của Ban giám đốc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban giám đốc Công ty.

### II. Đánh giá kết quả sản xuất - kinh doanh và Báo cáo tài chính:

#### Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2009:

Sau khi xem xét Báo cáo Tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán ERNST & YOUNG, Ban kiểm soát đồng ý với các số liệu trong Báo cáo và xin báo cáo tóm tắt kết quả sản xuất- kinh doanh như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	% Hoàn thành
1	Tổng doanh thu	Đồng	343.200.000.000	314.858.028.889	91,74%
2	Doanh thu sau thuế	Đồng	312.000.000.000	286.234.571.718	91,74%
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.350.000.000	13.282.387.001	209,17 %
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.720.000.000	12.860.743.521	224,84 %
4	Tỷ suất Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	4,576 %	10,29%	224,84 %

#### Nhận xét:

- (i) Chỉ tiêu tổng Doanh thu chỉ đạt: 91,74 % so với kế hoạch chủ yếu do năm 2009 Công ty áp dụng giảm giá trực tiếp trên hoá đơn tài chính phần chi chiết khấu cho các Nhà phân phối nên tổng doanh thu giảm khoảng gần 9% so với cách hạch toán và tính doanh thu trước đó.
- (ii) Các chỉ tiêu Lợi nhuận và Tỷ suất lợi nhuận/Vốn sở hữu chủ đều đạt vượt trên 200% so với kế hoạch do Công ty tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh so với kế hoạch chi phí đã

được phê duyệt. Ngoài ra do việc phát hành cổ phiếu mới và điều hành tài chính tốt nên chi phí tài chính giảm đáng kể so với năm 2008.

### **Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán:**

Trong Báo cáo tài chính năm 2009, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 được điều chỉnh thay đổi từ 38.391.046.789 đồng lên 49.863.509.313 đồng do các nguyên nhân sau:

Đơn vị: VND

STT	Nguyên nhân	2007	2008	Tổng
1	Trích lập bổ sung dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do Công ty trích thiếu trong các năm trước.	1.226.088.873	444.876.641	1.670.965.514
2	Trích lập bổ sung thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bị phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế của Cục thuế Hà Nội cho các năm 2007 và 2008.	3.399.160.010	2.594.225.719	5.993.385.729
3	Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Công ty trích lập thiếu.	0	2.464.676.919	2.464.676.919
4	Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2008 nhưng chưa được ghi nhận do sai sót của kế toán.	0	1.343.434.362	1.343.434.362
a	Điều chỉnh tăng chi phí đối với các khoản chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng Công ty chưa trích vào chi phí.	0	271.919.964	271.919.964
b	Hạch toán tăng chi phí khoản tạm ứng cho Công ty Luoyang nhưng không thu hồi được do không đáp ứng hợp đồng mua hàng.	0	271.632.000	271.632.000
c	Hạch toán tăng khoản chi phí tài trợ giải bóng đá trong kỳ.	0	380.727.273	380.727.273
d	Trích lập dự phòng phải trả Công ty Bảo Việt về việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu.	0	419.155.125	419.155.125
	Tổng cộng	4.625.248.883	6.847.213.641	11.472.462.524

Ban Kiểm soát nhận định: Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2009 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009.

### **III. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông:**

#### **1. Trả lời chất vấn của cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2009 giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trả lời câu hỏi của 19 cổ đông được ghi tên trong biên bản Đại hội.



Ngày 15 tháng 04 năm 2009, Hội đồng quản trị đã họp với sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát và đã nhất trí phân công cho ông Trần Đăng Tuấn – Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty và là Chủ toạ Đại hội cổ đông thường niên lần thứ VIII ngày 12 tháng 4 năm 2009 có trách nhiệm giải quyết các tồn tại từ các năm trước và trả lời cổ đông bằng văn bản..

Tuy nhiên, cho đến thời điểm làm báo cáo này, vẫn chưa có văn bản trả lời các câu hỏi của 19 cổ đông nói trên.

## **2. Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty có những thay đổi nhân sự như sau:

- (i) Bà Nguyễn Thị Xuân Sâm thôi nhiệm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2009.
- (ii) Ông Đinh Văn Thịnh thôi nhiệm kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2009.
- (iii) Bà Nguyễn Thị Hồng được bầu bổ sung kể từ ngày 15 tháng 07 năm /2009.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các thủ tục miễn nhiệm, bổ nhiệm và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông, phù hợp với nguyện vọng cá nhân của những người có liên quan.

## **3. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và lựa chọn cổ đông chiến lược:**

Công ty đã thực hiện việc phát hành 2,5 triệu cổ phiếu mới và lựa chọn 02 cổ đông chiến lược là:

### **(i) Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh**

Địa chỉ: Khu nhà A, Trụ sở UBND phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Số lượng cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần

### **(ii) Công ty TNHH Phát triển Sản phẩm mới Công nghệ mới - DPT**

Địa chỉ: Số 26 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Số lượng cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần

Các thủ tục phát hành cổ phiếu mới đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”). Ngày 6 tháng 8 năm 2009, các cổ đông chiến lược nói trên đã thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần. Đến ngày 10 tháng 10 năm 2009, Công ty đã hoàn thành xong thủ tục xin phép UBCKNN và đã cấp Giấy chứng nhận cổ đông cho các cổ đông chiến lược.

Ban kiểm soát đánh giá: Việc phát hành cổ phiếu mới đã giúp Công ty có nguồn vốn kịp trả nợ Ngân hàng các khoản vay đến hạn. Việc tái cơ cấu vốn (*thay nguồn vốn ngắn hạn bằng nguồn vốn dài hạn với tỷ lệ hợp lý*) đã giúp cho tình hình tài chính Công ty được cải thiện rõ rệt và trở nên lành mạnh kể từ quý IV/2009 đến nay.

## **4. Lựa chọn Công ty kiểm toán:**

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, Hội đồng quản trị đã họp và quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán ERNST & YOUNG là đơn vị kiểm toán năm 2009 cho Công ty. Theo đó, Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2009, Báo cáo kiểm toán vốn và Báo cáo Tài chính năm 2009 đã được kiểm toán theo đúng các quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán. Việc

lựa chọn Đơn vị kiểm toán chuyên nghiệp có uy tín quốc tế giúp cho Công ty có các Báo cáo tài chính chính xác, minh bạch.

**5. Chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.**

- Tổng chi phí chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2009 là 609.211.538 đồng
- Tổng chi phí chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2009 là 193.200.000 đồng

Việc chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Tuy nhiên, Ban kiểm soát nhận thấy mức chi trả thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị còn chưa xứng đáng với thời gian, công sức, khối lượng công việc và trách nhiệm mà Chủ tịch đảm nhiệm.

**IV. Tồn đọng từ các năm trước chưa được giải quyết:**

1. Dự án Vian đã chi phí tổng cộng 5.266.817.690 đồng nhưng dây chuyền thiết cũ đã bị tháo rời, xếp trong kho và không có khả năng lắp lại. Trong khi đó, Công ty vẫn đang phải trả tiền thuê đất 240.000.000 đồng/năm;
2. Dự án Đầu tư Công ty Cổ phần Bao bì Đức Tân - Sài Gòn: Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Hanoimilk vẫn chưa đòi được số tiền góp vốn còn lại là 1.000.000.000 đồng;
3. Dự án Đầu tư Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Hanoimilk vẫn chưa đòi được tiền góp vốn (đã chuyển thành công nợ) là 2.850.000.000 đồng và tiền thuê đất chưa thanh toán là 241.488.000 đồng;
4. Dự án đầu tư Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa: Công ty đã góp vốn 750.000.000 đồng nhưng có khả năng mất trắng vì Hapro Thanh Hoa có khả năng phá sản;
5. Dự án khu đất Bình Dương: Đã đầu tư chi phí hết 15.414.813.803 đồng. Năm 2009, Công ty đã nhận được sổ đỏ nhưng hiện tại khu đất vẫn đang còn bị bỏ hoang. Khả năng xây dựng nhà máy chế biến sữa là rất khó vì rất khó được cấp phép về vệ sinh môi trường và diện tích nhỏ không đủ xây dựng nhà máy.
6. Công nợ tồn đọng:
  - Bán sữa bột cho Công ty TNHH Giang Hoài: 118.000.000 đồng;
  - Bán sữa bột cho Công ty Cổ phần Thương Mại Hà Ninh: 835.325.000 đồng;

**Dự báo:** Việc xử lý giải quyết các tồn đọng nói trên có thể tạo ra các khoản lỗ cho năm tiếp theo.

**PHẦN III**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Nhìn nhận một cách khách quan, trong 1 năm vừa qua Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và theo định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nhờ đó, Công ty đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng, Hanoimilk đã thoát ra khỏi khủng hoảng và đã vươn lên một tầm cao mới.

Ban kiểm soát, với tư cách là đại diện của các cổ đông, hết sức hy vọng và tin tưởng vào năng lực quản trị và phát triển doanh nghiệp của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty.

Tuy nhiên, trên cơ sở kết quả kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban giám đốc một số điểm cần lưu ý sớm triển khai thực hiện, cụ thể là:

1. Kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực, trình độ để đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện lâu dài cho Công ty.
2. Tổ chức hệ thống Quản trị thống nhất, có sự phân quyền, phân nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
3. Kiên quyết, xử lý, giải quyết dứt điểm những các tồn đọng từ các năm trước.
4. Cần nhắc trong việc áp dụng các phương án phù hợp, linh hoạt trong hoạt động tổ chức và điều hành nhằm tiếp tục cải tổ, đẩy mạnh sự phát triển ổn định, vững bền cho Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty năm 2009 của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông (để báo cáo);
- Hội đồng quản trị;
- Lưu VP.

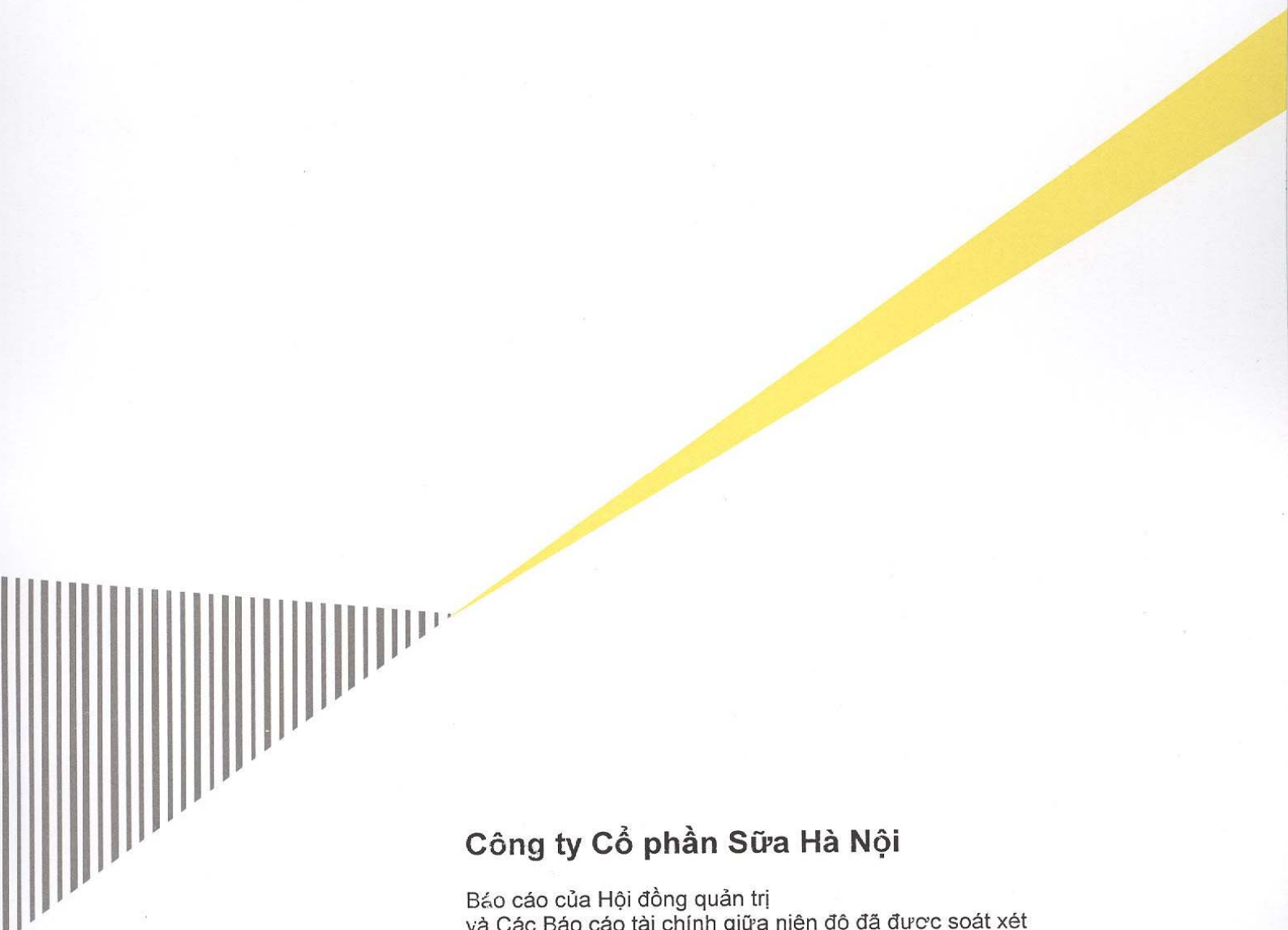
**TM. BAN KIỂM SOÁT**



**NGUYỄN THỊ LEN**

**Trưởng ban**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT NĂM 2009**



## **Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Báo cáo của Hội đồng quản trị  
và Các Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009.

### ▪ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 vào ngày 24 tháng 4 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

### ▪ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế trong giai đoạn	8.876.027.733	2.939.533.638
Cổ tức trả trong giai đoạn	-	5.000.000.000
Cổ tức công bố nhưng chưa trả trong giai đoạn (Lỗi lũy kế)/Lợi nhuận để lại vào cuối giai đoạn	-	-
	(41.794.161.797)	2.008.910.441

### ▪ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hà Quang Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2009
Trần Đăng Tuấn	Thành viên/ Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2009
Đình Văn Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2009
Đặng Xuân Tân	Thành viên	
Nguyễn Thị Xuân Sâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2009
Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2009

### ▪ CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN KỲ

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2009/NQ-HĐCĐ về việc phát hành thêm 2.500.000 cổ phần mới theo phương thức phát hành riêng lẻ để tái cơ cấu vốn, Công ty sẽ lựa chọn hai đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh (số cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần) và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới và Sản phẩm mới (số cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần) để bán số cổ phần phát hành mới. Giá chào bán số cổ phần bằng giá trị của cổ phần được ghi nhận trên sổ sách tại thời điểm gần nhất là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## ▪ KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## ▪ CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và

lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

## • PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Hà Quang Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 15 tháng 7 năm 2009



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bằng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được trình bày từ trang 4 đến trang 31 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính giữa niên độ"). Các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, có báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2009 và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính của Công ty.

Vì đây là lần đầu tiên các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được soát xét nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008 chưa được kiểm toán hay soát xét, và được trình bày chỉ cho mục đích so sánh.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

*Trần Phú Sơn*

Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0637/KTV

*Nguyễn Hồng Sơn*

Nguyễn Hồng Sơn  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0646/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>93.651.655.724</b>	<b>83.633.898.440</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>16.898.325.345</b>	<b>3.626.960.318</b>
111	1. Tiền	5	16.898.325.345	3.626.960.318
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	6	<b>23.940.000</b>	<b>15.300.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		132.600.000	132.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(108.660.000)	(117.300.000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>28.434.032.942</b>	<b>9.888.658.904</b>
131	1. Phải thu khách hàng		10.452.760.486	6.816.064.204
132	2. Trả trước cho người bán		14.167.394.529	1.696.095.446
135	3. Các khoản phải thu khác	7	4.055.493.422	1.507.599.307
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(241.615.495)	(131.100.053)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>47.586.748.667</b>	<b>69.253.868.314</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	57.869.661.586	97.680.022.980
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(10.282.912.919)	(28.426.154.666)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>708.608.770</b>	<b>849.110.904</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		465.943.120	632.241.833
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	10.598.674
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		242.665.650	206.270.397
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>116.404.084.052</b>	<b>124.467.422.906</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>115.601.059.848</b>	<b>120.827.422.906</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	90.181.837.306	95.001.409.232
222	Nguyên giá		147.441.010.789	145.478.340.408
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(57.259.173.483)	(50.476.931.176)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	6.665.311.725	7.019.222.085
225	Nguyên giá		7.958.802.990	7.958.802.990
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.293.491.265)	(939.580.905)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	135.565.404	166.133.256
228	Nguyên giá		336.289.821	336.289.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(200.724.417)	(170.156.565)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	18.618.345.413	18.640.658.333
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>750.000.000</b>	<b>3.640.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	3.640.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>53.024.204</b>	<b>-</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		53.024.204	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>210.055.739.776</b>	<b>208.101.321.346</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>83.047.800.162</b>	<b>89.207.729.248</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>80.574.828.568</b>	<b>85.799.752.526</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	46.279.724.798	63.993.058.116
312	2. Phải trả người bán		11.407.941.578	7.575.667.406
313	3. Người mua trả tiền trước		1.420.901.138	2.269.516.488
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.747.178.071	5.249.510.622
315	5. Phải trả người lao động		424.268.877	770.973.741
316	6. Chi phí phải trả	16	11.122.018.314	4.820.704.335
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		172.795.792	1.120.321.818
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.472.971.594</b>	<b>3.407.976.722</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	17	848.697.043	1.693.310.834
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.624.274.551	1.714.665.888
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>127.007.939.614</b>	<b>118.893.592.098</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>127.007.939.614</b>	<b>118.893.592.098</b>
411	1. Vốn cổ phần		100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.778.796.500	63.778.796.500
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.817.886.084	3.817.886.084
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.160.418.827	1.160.418.827
420	5. Lỗi lũy kế		(41.749.161.797)	(49.863.509.313)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>210.055.739.776</b>	<b>208.101.321.346</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VNĐ)	6.161.410.907	1.324.591.420
2. Ngoại tệ các loại – Đô la Mỹ	2.166	353



Q. Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Ngày 15 tháng 7 năm 2009

Tổng Giám đốc  
Trần Đăng Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	153.617.542.051	201.199.594.901
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(409.720.898)	(96.644.555)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		153.207.821.153	201.102.950.346
11	4. Giá vốn hàng bán	20,23	(107.052.400.045)	(150.965.113.973)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		46.155.421.108	50.137.836.373
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	89.256.658	2.321.475.698
22	7. Chi phí tài chính	21	(4.736.172.762)	(9.653.493.725)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.719.009.809)	(4.740.275.218)
24	8. Chi phí bán hàng	23	(28.397.361,877)	(34.402.122.262)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(4.281.408.719)	(4.507.815.779)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.829.734.408	3.895.880.305
31	11. Thu nhập khác	22	137.202.416	793.146.363
32	12. Chi phí khác	22	(90.909.091)	(1.589.544.882)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		46.293.325	(796.398.519)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.876.027.733	3.099.481.786
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	(159.948.148)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.876.027.733	2.939.533.638
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		888	294
	- Lãi cơ bản		888	294
	- Lãi suy giảm		-	-

Q. Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Ngày 15 tháng 7 năm 2009



Tổng Giám đốc  
Trần Đăng Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>• Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>8.876.027.733</b>	<b>3.099.481.786</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9, 10, 11	7.166.720.519	5.559.813.229
03	Các khoản dự phòng		(18.041.366.305)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư, thanh lý tài sản cố định		-	(85.734.852)
06	Chi phí lãi vay		2.719.009.809	4.740.275.218
07	Thu nhập lãi cho vay		(67.985.675)	(1.675.076.428)
<b>08</b>	<b>• Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>652.406.081</b>	<b>11.638.758.953</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(16.131.686.059)	9.645.700.492
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		39.810.361.394	(71.164.478.398)
11	Tăng các khoản phải trả		12.398.018.023	14.721.752.434
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		135.587.429	(748.690.950)
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.719.009.809)	(4.740.275.218)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(314.049.242)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(761.680.217)	(487.503.959)
<b>20</b>	<b>• Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>33.383.996.842</b>	<b>(41.448.785.888)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		(1.962.670.381)	(6.525.326.441)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	793.146.363
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	34.473.520.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		340.000.000	599.670.000
27	Tiền lãi		67.985.675	1.675.076.428
<b>30</b>	<b>• Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.554.684.706)</b>	<b>31.016.086.350</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		71.332.844.661	159.871.410.913
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(88.312.368.606)	(148.237.810.771)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(1.578.423.164)	(3.977.736.867)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông		-	(5.000.000.000)
<b>40</b>	<b>• Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(18.557.947.109)</b>	<b>2.655.863.275</b>

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		13.271.365.027	(7.776.836.263)
60	Tiền đầu kỳ		3.626.960.318	15.111.072.925
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	5	16.898.325.345	7.334.236.662

Q. Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Ngày 15 tháng 7 năm 2009



Tổng Giám đốc  
Trần Đăng Tuấn

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 vào ngày 24 tháng 4 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là: 249 người ( tại ngày 30 tháng 6 năm 2008: 361 người).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm                | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ



# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 – 20 năm
Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải	4 – 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Tài sản cố định khác	4 – 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 – 5 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

### 4. TRÌNH BÀY LẠI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NĂM TRƯỚC

	Số báo cáo trước khi trình bày lại	Điều chỉnh	Đơn vị tính: VNĐ Số trình bày lại
Lỗ lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2007	5.131.869.730	(4.625.248.883)	506.620.847
Lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	(37.277.054.788)	(6.847.213.641)	(44.124.268.429)
Chi cổ tức	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Giảm khác	(1.245.861.731)	-	(1.245.861.731)
Lỗ lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>(38.391.046.789)</u>	<u>(11.472.462.524)</u>	<u>(49.863.509.313)</u>

Việc trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước được thực hiện do ảnh hưởng của các điều chỉnh chủ yếu sau:

- Trích lập bổ sung dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do Công ty trích thiếu trong các năm trước là 1.670.965.514 VNĐ. Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 444.876.641 VNĐ, đồng thời làm giảm lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.226.088.873 VNĐ.
- Trích lập bổ sung thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bị phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế của Cục thuế Hà Nội cho các năm 2007 và 2008, cụ thể như sau:

	Năm 2008	Năm 2007
Thuế giá trị gia tăng	1.824.114.775	1.657.591.427
Phạt vi phạm về thuế	507.928.329	1.007.267.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	262.182.615	734.301.335

Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.824.114.775 VNĐ, tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 là 262.182.615 VNĐ, tăng chi phí khác là 507.928.329 VNĐ, đồng thời làm giảm lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 3.399.160.010 VNĐ.

Như vậy, tổng số thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty trong năm 2008 tăng thêm 5.173.095.713 VNĐ, do bị ảnh hưởng bởi các điều chỉnh sau:

- Điều chỉnh tăng thuế và các khoản phải nộp theo biên bản quyết toán thuế năm 2007 và 2008 với tổng số tiền 5.993.385.729 VNĐ;
  - Giảm thuế phải nộp do điều chỉnh số thuế GTGT được khấu trừ được chuyển trừ vào số thuế GTGT đầu ra với số tiền 569.016.368 VNĐ;
  - Điều chỉnh giảm thuế phải nộp do Công ty hạch toán trả thừa với số tiền 251.273.648 VNĐ.
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Công ty trích lập thiếu. Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng giá vốn hàng bán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 2.464.676.919 VNĐ, đồng thời làm tăng lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị tương ứng.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

### 4. TRÌNH BÀY LẠI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

- Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2008 nhưng chưa được ghi nhận do sai sót của kế toán với tổng số tiền là 1.343.434.362 VNĐ, trong đó:
  - Điều chỉnh tăng chi phí đối với các khoản chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng Công ty chưa trích vào chi phí số tiền 271.919.964 VNĐ;
  - Hạch toán tăng chi phí khoản tạm ứng không thu hồi được cho Công ty Luoyang do không đáp ứng hợp đồng mua hàng số tiền 271.632.000 VNĐ;
  - Hạch toán tăng khoản chi phí tài trợ giải bóng đá trong kỳ số tiền 380.727.273 VNĐ;
  - Trích lập dự phòng phải trả Công ty Bảo Việt về việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu số tiền 419.155.125 VNĐ.

Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.343.434.362 VNĐ, đồng thời làm tăng lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị tương ứng.

- Điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trong năm trước do không đúng tiêu chuẩn ghi nhận theo qui định. Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm giảm nguyên giá tài sản cố định và khấu hao lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị tương ứng là 2.555.715.750 VNĐ và 54.317.214 VNĐ, đồng thời làm giảm các khoản phải trả, phải nộp khác là 2.501.495.836 VNĐ.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các điều chỉnh nêu trên được coi là điều chỉnh sai sót của các năm trước và do đó cần được trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước. Công ty đã điều chỉnh lại số liệu đầu kỳ trong các báo cáo tài chính để phản ánh sự ảnh hưởng của sai sót từ các năm trước.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

### 4. TRÌNH BÀY LẠI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết những ảnh hưởng của việc trình bày lại đối với các số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số báo cáo trước khi trình bày lại</i>	<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>	<i>Số trình bày lại</i>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Trả trước cho người bán	1.967.727.446	(271.632.000)	1.696.095.446
Các khoản phải thu khác	7.696.607	1.499.902.700	1.507.599.307
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.961.477.747)	(2.464.676.919)	(28.426.154.666)
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.012.969.106	(380.727.273)	632.241.833
Thuế GTGT được khấu trừ	569.016.368	(569.016.368)	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	261.872.322	(251.273.648)	10.598.674
Tài sản cố định hữu hình	79.704.705.054	15.296.704.178	95.001.409.232
<i>Nguyên giá</i>	125.168.269.097	20.310.071.311	145.478.340.408
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(45.463.564.043)	(5.013.367.133)	(50.476.931.176)
Tài sản cố định thuê tài chính	22.315.926.263	(15.296.704.178)	7.019.222.085
<i>Nguyên giá</i>	28.268.874.301	(20.310.071.311)	7.958.802.990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(5.952.948.038)	5.013.367.133	(939.580.905)
Tài sản cố định vô hình	2.667.531.792	(2.501.398.536)	166.133.256
<i>Nguyên giá</i>	2.892.005.571	(2.555.715.750)	336.289.821
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(224.473.779)	54.317.214	(170.156.565)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.850.000.000	(2.850.000.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	2.290.000.000	1.350.000.000	3.640.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	76.414.909	5.173.095.713	5.249.510.622
Chi phí phải trả	4.401.549.210	419.155.124	4.820.704.334
Các khoản phải trả khác	3.621.817.654	(2.501.495.836)	1.120.321.818
Dự phòng trợ cấp thôi việc	43.700.374	1.670.965.514	1.714.665.888
Lỗi lũy kế	(38.391.046.789)	(11.472.462.524)	(49.863.509.313)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(271.919.964)	271.919.964	-

### 5. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tiền mặt	69.791.881	4.632.177
Tiền gửi ngân hàng	16.828.533.464	3.622.328.141
	<b>16.898.325.345</b>	<b>3.626.960.318</b>

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	132.600.000	132.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(108.660.000)	(117.300.000)
<b>Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>23.940.000</u></b>	<b><u>15.300.000</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	132.600.000	132.600.000

### 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)
Phải thu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn (*)	1.200.000.000	1.500.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt nam (**)	2.850.000.000	-
Phải thu khác	5.493.422	7.599.307
	<b><u>4.055.493.422</u></b>	<b><u>1.507.599.307</u></b>

(\*) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn trong năm 2007. Theo giấy phép kinh doanh số 0103017866 ngày 19 tháng 6 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, Công ty Cổ phần sữa Hà Nội góp 5.000.000.000 VNĐ, chiếm 16,13% tổng vốn góp. Trên thực tế, Công ty Cổ phần sữa Hà Nội đã góp vốn trong năm 2007 với tổng số tiền là 2.500.000.000 VNĐ.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, do các bên tham gia không định giá được tài sản góp vốn, theo đó Đại hội đồng cổ đông đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn và phần vốn góp của Công ty sẽ được Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn hoàn trả dần. Thời hạn thanh toán hết khoản vốn góp này vào ngày 30 tháng 6 năm 2008.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009, tổng số tiền Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội còn phải thu của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn là 1.200.000.000 VNĐ. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn tiếp tục thanh toán khoản vốn góp trên trong quý 3 năm 2009 với số tiền 140.000.000 VNĐ. Vì vậy, số tiền phải thu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn tại thời điểm 25 tháng 8 năm 2009 là 1.060.000.000 VNĐ. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu còn lại trong quý 3 năm 2009.

(\*\*) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt Nam và được trình bày như là một khoản công nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009 do tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt Nam là 19% (Công ty trình bày khoản góp vốn này là khoản đầu tư dài hạn vào Công ty liên kết trong năm 2008).

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2009, Công ty sẽ thực hiện rút vốn khỏi Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt Nam trong thời gian sắp tới.

## Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

#### 8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	41.085.317.578	80.634.000.795
Công cụ, dụng cụ	3.277.655.441	2.951.333.515
Thành phẩm	13.231.151.706	14.016.830.088
Hàng hóa	275.536.861	77.858.582
	<b><u>57.869.661.586</u></b>	<b><u>97.680.022.980</u></b>

#### Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu kỳ	28.426.154.666	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ (*)	863.502.838	28.426.154.666
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(19.006.744.585)	-
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ</b>	<b><u>10.282.912.919</u></b>	<b><u>28.426.154.666</u></b>

(\*) Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009 là cho lô nguyên vật liệu (sữa nguyên kem) được nhập về trong năm 2008. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009, số lượng sữa nguyên kem trên còn tồn kho với số lượng 141.897 kg và giá trị thuần có thể thực hiện được tính theo giá bán của sản phẩm này trên thị trường tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009 là 8.460 đồng/kg. Tuy nhiên, giá trị ghi sổ của Công ty hiện đang hạch toán trên báo cáo tài chính là 14.545 đồng/kg, do đó Công ty đã thực hiện trích lập thêm một khoản dự phòng giảm giá cho lô hàng trên tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009 với số tiền 863.502.838 VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	28.353.597.435	105.114.854.872	9.412.909.599	2.553.214.866	43.763.636	145.478.340.408
- Mua trong kỳ	-	1.962.670.381	-	-	-	1.962.670.381
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>28.353.597.435</u>	<u>107.077.525.253</u>	<u>9.412.909.599</u>	<u>2.553.214.866</u>	<u>43.763.636</u>	<u>147.441.010.789</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	9.458.524.621	37.050.305.297	2.610.718.058	1.333.455.417	23.927.783	50.476.931.176
- Khấu hao trong kỳ	1.068.159.412	4.843.615.172	653.533.491	212.228.684	4.705.548	6.782.242.307
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>10.526.684.033</u>	<u>41.893.920.469</u>	<u>3.264.251.549</u>	<u>1.545.684.101</u>	<u>28.633.332</u>	<u>57.259.173.483</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>18.895.072.814</u>	<u>68.064.549.575</u>	<u>6.802.191.541</u>	<u>1.219.759.449</u>	<u>19.835.852</u>	<u>95.001.409.232</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>17.826.913.402</u>	<u>65.183.604.784</u>	<u>6.148.658.050</u>	<u>1.007.530.765</u>	<u>15.130.304</u>	<u>90.181.837.306</u>

Một phần tài sản của công ty được cầm cố theo các hợp đồng thế chấp với các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 14.

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VNĐ**Máy móc thiết bị***Nguyên giá:**

Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	7.958.802.990
- Thuê trong kỳ	<u>-</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>7.958.802.990</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	939.580.905
- Khấu hao trong kỳ	<u>353.910.360</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>1.293.491.265</u>

**Giá trị còn lại:**

Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>7.019.222.085</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>6.665.311.725</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH***Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
- Mua trong kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>33.412.943</u>	<u>288.376.878</u>	<u>14.500.000</u>	<u>336.289.821</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	4.191.171	157.255.284	8.710.110	170.156.565
- Tặng trong kỳ	<u>1.623.432</u>	<u>27.979.440</u>	<u>964.980</u>	<u>30.567.852</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>5.814.603</u>	<u>185.234.724</u>	<u>9.675.090</u>	<u>200.724.417</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>29.221.772</u>	<u>131.121.594</u>	<u>5.789.890</u>	<u>166.133.256</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	<u>27.598.340</u>	<u>103.142.154</u>	<u>4.824.910</u>	<u>135.565.404</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Quyền sử dụng đất tại chi nhánh Bình Dương (*)	14.124.614.691	14.124.614.691
Công trình nhà máy VIHAMI (**)	1.674.683.103	1.674.683.103
Dây chuyền sản xuất (**)	2.819.047.619	2.819.047.619
Công trình hệ thống điện nhà máy	-	22.312.920
	<b>18.618.345.413</b>	<b>18.640.658.333</b>

(\*) Đây là khoản tiền thuê đất Công ty đã thanh toán theo hợp đồng thuê đất ngày 6 tháng 6 năm 2007 được ký giữa Công ty Thiên Nam và Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (tổng diện tích thuê là 1.661,9 m<sup>2</sup> và thời gian thuê trong 50 năm). Tại thời điểm hiện tại, không có hoạt động nào được thực hiện triển khai đối với dự án thuê đất nêu trên.

(\*\*) Đây là chi phí xây dựng nhà máy VIHAMI tại Đông Anh phát sinh trong năm 2008 cho hoạt động sản xuất và chế biến nước hoa quả. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009, công trình xây dựng nhà máy phần lớn đã hoàn thành và chưa được sử dụng cho mục đích của dự án.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư mua và lắp đặt thiết bị dây chuyền trong năm 2008 cho hoạt động sản xuất và chế biến nước hoa quả tại nhà máy VIHAMI-Đông Anh. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2009, thiết bị dây chuyền này đã được tháo dỡ và bảo quản trong kho.

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)
Đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	-	40.000.000
Đầu tư vào Công ty CP phát triển siêu thị Hapro Thanh Hóa	750.000.000	750.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt Nam	-	2.850.000.000
	<b>750.000.000</b>	<b>3.640.000.000</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)
Vay ngân hàng ngắn hạn	44.602.670.534	61.582.194.479
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 17)	1.677.054.264	2.410.863.637
	<b>46.279.724.798</b>	<b>63.993.058.116</b>

#### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn được trình bày dưới đây:

	30 tháng 6 năm 2009	Giá trị ban đầu	Lãi suất năm	Đơn vị tính: VNĐ Kỳ hạn trả gốc và lãi
Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phúc Yên	7.458.642.498	421.768,26 USD	5.3% - 5.5%	Nợ gốc sẽ được trả sau 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng
	9.356.174.292	9.356.174.292 VNĐ	6%	
Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt nam (VCB)	17.116.286.692	961.589,14 USD	3% - 6%	Nợ gốc sẽ được trả sau 4 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được trả vào ngày 26 hàng tháng
	<u>10.671.567.052</u>	10.671.567.052 VNĐ	5.5%	
	<b><u>44.602.670.534</u></b>			

Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty bao gồm toàn bộ thiết bị sản xuất và các thiết bị phụ trợ khác với giá trị ước tính là 32.740.000.000 VNĐ.

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty bao gồm máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải với giá trị ước tính là 18.408.082.200 VNĐ.

#### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)
Thuế giá trị gia tăng	7.115.417.259	2.938.463.524
Thuế xuất, nhập khẩu	353.868.453	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	745.210.302	745.210.302
Các loại thuế khác	<u>1.532.682.057</u>	<u>1.565.836.796</u>
	<b><u>9.747.178.071</u></b>	<b><u>5.249.510.622</u></b>

Theo Quyết định của Cục thuế thành phố Hà Nội, Công ty bị truy thu thêm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và bị phạt vi phạm về thuế cho các năm 2007 và 2008 với tổng số tiền là 5.993.385.729 VNĐ. Chi tiết các loại thuế cho từng năm được chi tiết tại thuyết minh số 4 – Trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 (trình bày lại)
Phải trả các đại lý phân phối	8.434.560.566	4.276.003.753
Phải trả khác	2.687.457.748	544.700.581
	<b>11.122.018.314</b>	<b>4.820.704.334</b>

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Nợ dài hạn		
Thuê tài chính	2.525.751.307	4.104.174.471
	<b>2.525.751.307</b>	<b>4.104.174.471</b>
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	1.677.054.264	2.410.863.637
Nợ dài hạn	848.697.043	1.693.310.834

Công ty hiện đang thuê các loại máy móc và thiết bị theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009			Ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Từ 1 năm trở xuống	1.783.794.660	106.740.396	1.677.054.264	2.564.172.126	153.308.489	2.410.863.637
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Trên 1-5 năm	860.486.357	11.789.315	848.697.043	1.746.795.736	53.484.902	1.693.310.834
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
	<b>2.644.281.017</b>	<b>118.529.710</b>	<b>2.525.751.307</b>	<b>4.310.967.862</b>	<b>206.793.391</b>	<b>4.104.174.471</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008:</b>						
Số dư đầu kỳ	100.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.283.213.602	5.131.869.630	174.011.765.816
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.939.533.638	2.939.533.638
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.062.492.827)	(1.062.492.827)
Số dư cuối kỳ	<u>100.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.283.213.602</u>	<u>2.008.910.441</u>	<u>170.888.806.627</u>
<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009:</b>						
Số dư đầu kỳ	100.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	(49.863.509.313)	118.893.592.098
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	8.876.027.733	8.876.027.733
- Giảm khác	-	-	-	-	(761.680.217)	(761.680.217)
Số dư cuối kỳ	<u>100.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(41.749.161.797)</u>	<u>127.007.939.614</u>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2009		Ngày 30 tháng 6 năm 2008	
	Tổng cộng	Cổ phiếu thường	Tổng cộng	Cổ phiếu thường
Vốn góp của cổ đồng	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
	<b>Vốn đầu tư đã góp của cổ đồng</b>	
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**18.4 Cổ tức**

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
	<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ kế toán</b>	
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	5,000,000,000
Cổ tức cho năm 2007: VNĐ500/cổ phiếu	-	5,000,000,000

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****18.5 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (Ngày 31 tháng 12 năm 2008: 10.000 VNĐ)

**18.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Quỹ đầu tư và phát triển	3.817.886.084	3.817.886.084
Quỹ dự phòng tài chính	1.160.418.827	1.160.418.827
	<b><u>4.978.304.911</u></b>	<b><u>4.978.304.911</u></b>

**19. DOANH THU****19.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>153.617.542.051</b>	<b>201.199.594.901</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>153.617.542.051</i>	<i>201.199.594.901</i>
• <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>409.720.898</b>	<b>96.644.555</b>
Hàng bán bị trả lại	409.720.898	96.644.555
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>153.207.821.153</u></b>	<b><u>201.102.950.346</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	153.207.821.153	201.102.950.346



**19. DOANH THU (tiếp theo)****19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.985.675	1.675.076.428
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.280.983	640.575.270
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.990.000	5.824.000
	<b><u>89.256.658</u></b>	<b><u>2.321.475.698</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	111.187.509.909	131.238.245.273
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.008.131.883	19.726.868.700
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	863.502.838	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(19.006.744.585)</u>	<u>-</u>
	<b><u>107.052.400.045</u></b>	<b><u>150.965.113.973</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
Lãi tiền vay	2.719.009.809	4.740.275.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.938.365.142	4.912.120.919
Chi phí tài chính khác	78.797.811	1.097.588
	<b><u>4.736.172.762</u></b>	<b><u>9.653.493.725</u></b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
<b>Thu nhập khác</b>	<b>137.202.416</b>	<b>793.146.363</b>
Thu thanh lý tài sản	-	793.146.363
Thu nhập khác	137.202.416	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>90.909.091</b>	<b>1.589.544.882</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	-	920.056.115
Chi phí khác	90.909.091	669.488.767
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>46.293.325</b>	<b>(796.398.519)</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.870.285.257	99.993.156.937
Chi phí nhân công	12.460.258.801	12.865.858.414
Chi phí khấu hao tài sản	7.166.720.519	5.559.813.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.497.228.347	16.573.370.123
Chi phí khác	16.736.677.717	54.882.853.311
	<b>139.731.170.641</b>	<b>189.875.052.014</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP*****Hoạt động sản xuất và chế biến sữa:***

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong 10 năm đầu tiên là 20%, thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%. Công ty phát sinh lợi nhuận kinh doanh đầu tiên trong năm 2004.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong kỳ là 10 % lợi nhuận chịu thuế.

***Hoạt động kinh doanh thương mại:***

Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 24.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	-	159.948.148
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu/ (thừa) kỳ trước	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>-</u>	<u><b>159.948.148</b></u>

### 24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>8.876.027.733</b>	<b>3.099.481.786</b>
<b>Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>(10.203.556.711)</b>	<b>(1.500.000.000)</b>
Thu nhập đã ghi nhận năm trước	-	(1.500.000.000)
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho không được giảm trừ kỳ trước	(10.093.596.576)	-
Phân bổ chi phí công cụ dụng cụ	(109.960.135)	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗi kỳ trước</b>	<b>(1.327.528.978)</b>	<b>1.599.481.786</b>
Lỗi kỳ trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>(1.327.528.978)</b>	<b>1.599.481.786</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	159.948.148
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>745.210.302</b>	<b>251.666.173</b>
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(314.049.242)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>745.210.302</b>	<b>97.565.079</b>

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008
Lương và thưởng	740.486.338	890.870.100
	<b>740.486.338</b>	<b>890.870.100</b>

## 26. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

### 26.1 Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Theo hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy bỏ, tiền thuê ít nhất là:		
Dưới 1 năm	198.107.500	198.107.500
Từ 1 đến 5 năm	792.430.000	792.430.000
Trên 5 năm	7.595.362.307	7.329.977.500
	<b>8.585.899.807</b>	<b>8.320.515.000</b>

Đây là nghĩa vụ theo hợp đồng thuê đất được ký ngày 26 tháng 6 năm 2002 với đơn giá 5.250 VNĐ/m<sup>2</sup>/năm cho tổng diện tích đất là 39.621.5 m<sup>2</sup> cho lô đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh. Hợp đồng thuê đất có hiệu lực trong thời gian 49 năm, kể từ ngày 6 tháng 2 năm 2002.

### 26.2 Nợ tiềm tàng về thuế Giá trị gia tăng

Trong kỳ, Công ty đã hạch toán và ghi nhận vào chi phí bán hàng khoản khuyến mại hàng hóa với số tiền 8.287.301.541VNĐ. Tuy nhiên, Công ty đã nộp công văn số 90/2009/CV-HNM ngày 14 tháng 8 năm 2009 đề nghị xin sửa đổi khoản khuyến mại trên thành hình thức chiết khấu thương mại và giảm trừ trực tiếp đối với doanh thu phát sinh trong kỳ. Do chưa có công văn chấp thuận và đơn vị chưa được cơ quan thuế kiểm tra, khoản chiết khấu thương mại trên có thể bị coi là chi phí khuyến mại trong kỳ. Bên cạnh đó, công ty cũng chưa đăng ký đầy đủ các chương trình khuyến mại trong kỳ theo Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2006 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, theo đó có thể dẫn đến các khoản khuyến mại trên bị coi là chi phí biếu tặng và chịu thuế Giá trị gia tăng theo như Thông tư 129/2008/TT- BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Trường hợp chi phí khuyến mại nêu trên bị coi là chi phí biếu tặng, Công ty sẽ phải chịu thêm thuế Giá trị gia tăng với số tiền là 861.246.496 VNĐ.

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2009/NQ-HĐCĐ về việc phát hành thêm 2.500.000 cổ phần mới theo phương thức phát hành riêng lẻ để tái cơ cấu vốn, Công ty sẽ lựa chọn hai đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh (số cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần) và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới và Sản phẩm mới (số cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần) để bán số cổ phần phát hành mới. Giá chào bán số cổ phần bằng giá trị của cổ phần được ghi nhận trên sổ sách tại thời điểm gần nhất là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

Q. Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Ngày 15 tháng 7 năm 2009



Tổng Giám đốc  
Trần Đăng Tuấn

**BÁO CÁO VỐN CỔ PHẦN**  
**VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN NĂM 2009**



## **Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Báo cáo vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

ngày 10 tháng 10 năm 2009

## **MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	1
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GÓP VỐN ĐIỀU LỆ	
Báo cáo tình hình thực hiện góp vốn điều lệ	3
Thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện góp vốn điều lệ	4 - 6



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần tại ngày 10 tháng 10 năm 2009 của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội ("Công ty") và các thuyết minh báo cáo kèm theo ("báo cáo") được trình bày từ trang 2 đến trang 5. Báo cáo này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.


### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc báo cáo không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên báo cáo này. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.


Các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 10 tháng 10 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 10 tháng 10 năm 2009 đã được soát xét.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10 tháng 10 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

 *Ernst & Young Vietnam Htd.*  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

  
Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0637/KTV

  
Dương Trọng Nghĩa  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0366/KTV

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Thuyết minh

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Vốn cổ phần	3	125.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	3	63.778.796.500
		<b>188.778.796.500</b>



Lê Ngọc Hùng  
Trưởng phòng kế toán  
Ngày 15 tháng 11 năm 2009



Nguyễn Thị Hồng  
Tổng Giám đốc

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 vào ngày 24 tháng 4 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

### • **Hội đồng Quản trị**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 10 tháng 10 năm 2009 như sau:

Hà Quang Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2009
Trần Đăng Tuấn	Thành viên/ Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2009
Đình Văn Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2009
Đặng Xuân Tân	Thành viên	
Nguyễn Thị Xuân Sâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2009
Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2009

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tình hình thực hiện góp vốn điều lệ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

Báo cáo vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình thực hiện góp vốn điều lệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3. VỐN CỔ PHẦN

#### 3.1 Tình hình tăng giảm vốn cổ phần

Đơn vị tính: VNĐ

Số vốn điều lệ đã góp

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	163.778.796.500
Trong đó:	
- Vốn cổ phần	100.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	63.778.796.500
Tăng trong kỳ	25.000.000.000
Trong đó:	
- Tăng vốn cổ phần	25.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-
Giảm vốn cổ phần	-
<b>Số dư tại ngày 10 tháng 10 năm 2009</b>	<b>188.778.796.500</b>
Trong đó:	
- Vốn cổ phần	125.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	63.778.796.500

Trong kỳ, Công ty phát hành thêm 2.500.000 cổ phiếu theo phương thức phát hành riêng lẻ cho hai đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh và Công ty TNHH Phát triển Sản phẩm mới Công nghệ mới, với mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong quá trình thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty đã lập đầy đủ các tài liệu báo cáo về kế hoạch chào bán gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, khi kết thúc đợt chào bán trên, Công ty đã phát hành báo cáo tới Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

#### 3.2 Vốn cổ phần đã góp

	Vốn điều lệ	%	Vốn đã góp đến ngày 30 tháng 9 năm 2009
Công ty CP Hoàng Mai Xanh	12,500,000,000	10%	12,500,000,000
Công ty TNHH phát triển sản phẩm mới công nghệ mới DPT	12,500,000,000	10%	12,500,000,000
Maeil Dairy Industry Co.,Ltd	3,500,000,000	2,8%	3,500,000,000
Nghiêm Bá Đồng	2,059,700,000	1,6%	2,059,700,000
Trần Đăng Tuấn	2,050,000,000	1,6%	2,050,000,000
Hà Quang Tuấn	2,000,000,000	1,6%	2,000,000,000
Nguyễn Thùy Dương	1,976,000,000	1,6%	1,976,000,000
Nguyễn Thị Xuân Sâm	1,820,000,000	1,5%	1,820,000,000
Công ty LICOGI 18	1,820,000,000	1,5%	1,820,000,000
Nguyễn Thị Phương Thảo	1,625,000,000	1,3%	1,625,000,000
Đình Văn Thịnh	1,633,000,000	1,3%	1,633,000,000
Các đối tượng khác (*)	81,516,300,000	65,2%	81,516,300,000
	<b>125.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>125.000.000.000</b>

**4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 2009**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2009 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần.

**5. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN**

Báo cáo vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần tại ngày 10 tháng 10 năm 2009 được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 11 năm 2009.



Lê Ngọc Hùng  
Trưởng phòng kế toán  
Ngày 15 tháng 11 năm 2009



Nguyễn Thị Hồng  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2009**



## **Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Báo cáo của Hội đồng quản trị  
và  
Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36



Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## • CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026433, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và \_\_\_\_\_3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

## • KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế	12.860.743.521	(45.131.535.675)
Cổ tức trả trong năm	-	5.000.000.000
Lỗ lũy kế vào cuối năm	(38.261.388.009)	(49.863.509.313)

## • CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Trong năm 2009, Công ty đã phát hành thêm 2.500.000 cổ phần mới theo phương thức phát hành riêng lẻ. Công ty đã lựa chọn hai cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh (số cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần) và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới và Sản phẩm mới (số cổ phần chào bán: 1.250.000 cổ phần) để bán số cổ phần phát hành mới. Giá chào bán số cổ phần nói trên là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần. Hai cổ đông chiến lược nói trên đã chuyển tiền thanh toán tiền mua cổ phần vào ngày 06 tháng 8 năm 2009 và đã được Công ty cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần vào ngày 10 tháng 10 năm 2009.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hà Quang Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2009
Trần Đăng Tuấn	Thành viên/ Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2009
Đình Văn Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2009
Đặng Xuân Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2007
Nguyễn Thị Xuân Sâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2009
Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2009

## • CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 3 tháng 2 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội đã họp với sự tham gia của Đại diện Ban kiểm soát và các thành viên cũ của Hội đồng Quản trị để giải quyết các tồn đọng từ các năm trước để lại. Hội đồng quản trị đã quyết nghị như sau:

### 1. Thanh lý Dự án sản xuất nước hoa quả tại Công ty cổ phần VIAN (Địa chỉ: Đông Anh, Hà Nội)

Theo số liệu sổ sách của Công ty, từ ngày 1 tháng 5 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã đầu tư vào dự án nêu trên với tổng chi phí phát sinh vào dự án tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 5.266.917.960 đồng, bao gồm tiền mua dây chuyền thiết bị số tiền 2.819.047.619 đồng, chi phí sửa chữa nhà xưởng số tiền 1.674.683.103 đồng và chi phí thuê mặt bằng và vật tư lắp đặt khác số tiền 773.086.967 đồng.

### 1. Bán thanh lý khu đất có diện tích 15.161,9 m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Dệt May Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, và hủy dự án nhà máy chế biến sữa dự định xây dựng trên khu đất này do Công ty xác định diện tích đất cho xây dựng nhà máy chưa đáp ứng đủ diện tích và gặp phải khó khăn trong việc xin cấp giấy phép vệ sinh môi trường.

Theo số liệu sổ sách của Công ty, từ ngày 9 tháng 7 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chi tổng cộng 15.414.813.803 đồng để thuê đất và giải phóng mặt bằng khu đất nói trên. Năm 2009, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (45 năm).

### 2. Thu hồi công nợ đối với phần góp vốn vào Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn

Theo số liệu sổ sách và hồ sơ lưu tại Công ty, vào ngày 22 tháng 5 năm 2007, Hội đồng quản trị Công ty quyết định tham gia cùng một số đối tác góp vốn vào Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn để chuyển đổi Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Bao Bì Đức Tấn - Sài Gòn. Theo đó, ngày 29 tháng 6 năm 2007, Công ty đã chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn số tiền 2.500.000.000 đồng. Do không xác định được giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn, nên ngày 15 tháng 10 năm 2007 các cổ đông đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Bao Bì Đức Tấn - Sài Gòn và Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty Cổ phần sữa Hà Nội số tiền đã góp vốn là 2.500.000.000 đồng. Thời hạn hoàn trả là trước ngày 30 tháng 6 năm 2008, nếu quá thời gian nêu trên, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn phải trả lãi trả chậm theo lãi suất của ngân hàng. Trong năm 2009, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn đã thanh toán một phần công nợ nêu trên. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn mới hoàn trả cho Công ty Cổ phần sữa Hà Nội với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2010, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn có xác nhận sẽ thanh toán công nợ còn tồn đọng sau khi Công ty Cổ phần Bao Bì Đức Tấn Sài Gòn quyết toán thuế xong.

### 3. Thu hồi công nợ đối với số tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam và tiền cho thuê nhà đất quá hạn nhưng chưa được thanh toán

Theo số liệu sổ sách và hồ sơ lưu tại Công ty, từ ngày 27 tháng 9 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam với số tiền góp vốn là 2.850.000.000 đồng. Công ty đã có văn bản xin rút vốn và đã được Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam đồng ý. Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam vẫn chưa hoàn trả cho Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội số tiền góp vốn là 2.850.000.000 đồng. Khoản công nợ này đã được Công ty xác nhận vào ngày 23 tháng 3 năm 2010.

Ngoài ra, vào ngày 15 tháng 12 năm 2007, Công ty ký hợp đồng cho Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam thuê diện tích nhà đất là 5.600 m<sup>2</sup> với thời gian thuê 10 năm (bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2008). Tổng số tiền cho thuê là 2.688.000.000 đồng và thanh toán 5 năm/1 lần. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam mới hoàn trả cho Công ty số tiền thuê đất là 1.102.512.000 đồng. Số tiền thuê đất còn phải trả cho 5 năm đầu tiên là 241.488.000 đồng vẫn chưa được thanh toán. Khoản công nợ này cũng đã được Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam xác nhận vào ngày 23 tháng 3 năm 2010.

• **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN** (tiếp theo)

4. **Đồng ý giải thể Công ty Cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa**

Theo số liệu sổ sách của Công ty, vào ngày 31 tháng 8 năm 2007 và 20 tháng 11 năm 2007, Công ty chuyển tiền góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa với số tiền 750.000.000 đồng. Ngày 13 tháng 11 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa đã quyết định dừng kinh doanh do hoạt động kinh doanh thua lỗ. Theo báo cáo tài chính của Công ty này, số tài sản còn lại không đủ để trả các khoản nợ. Do vậy Công ty có nguy cơ mất toàn bộ số tiền góp vốn là 750.000.000 đồng. Số tiền này đã được Công ty trích lập dự phòng trong năm 2009.

5. **Các khoản dự phòng**

Theo báo cáo của Ban giám đốc Công ty, đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty chưa thu hồi được 953.325.000 đồng tiền bán sữa bột cho Công ty TNHH Giang Hoài và Công ty Cổ phần thương mại Hà Ninh. Ngoài ra, Công ty đang tồn kho lô linh kiện đã mua từ các năm trước với tổng số tiền 3.236.010.370 đồng.

Tuy nhiên, trong Báo cáo tài chính năm 2009, Công ty mới chỉ trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa với số tiền 750.000.000 đồng và trích lập dự phòng 30% cho khoản công nợ đối với tiền bán sữa bột 953.325.000 đồng. Việc thanh lý, thu hồi công nợ và xử lý các tồn tại như trên có thể tạo ra các khoản lỗ cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo.

• **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

• **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

- Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính .

• **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



---

**Hà Quang Tuấn**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được trình bày từ trang 6 đến trang 36 (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”). Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.


Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, có báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2009 và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính của Công ty.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

  
*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0637/KTV

  
Dương Trọng Nghĩa  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0366/KTV

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>99.860.250.959</b>	<b>83.633.898.440</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>15.852.488.141</b>	<b>3.626.960.318</b>
111	1. Tiền	5	15.852.488.141	3.626.960.318
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>23.940.000</b>	<b>15.300.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	132.600.000	132.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(108.660.000)	(117.300.000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>25.307.997.575</b>	<b>9.888.658.904</b>
131	1. Phải thu khách hàng		11.297.299.383	6.816.064.204
132	2. Trả trước cho người bán		10.780.413.836	1.696.095.446
135	3. Các khoản phải thu khác	7	4.098.869.072	1.507.599.307
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(868.584.716)	(131.100.053)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>53.548.413.692</b>	<b>69.253.868.314</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	55.433.893.072	97.680.022.980
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.885.479.380)	(28.426.154.666)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.127.411.551</b>	<b>849.110.904</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.156.088.037	632.241.833
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		617.878.307	10.598.674
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		353.445.207	206.270.397
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>113.342.158.929</b>	<b>124.467.422.906</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>113.224.787.781</b>	<b>120.827.422.906</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	83.544.669.744	95.001.409.232
222	Nguyên giá		147.578.024.170	145.478.340.408
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(64.033.354.426)	(50.476.931.176)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	6.311.401.366	7.019.222.085
225	Nguyên giá		7.958.802.990	7.958.802.990
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.647.401.624)	(939.580.905)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	104.997.535	166.133.256
228	Nguyên giá		336.289.821	336.289.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(231.292.286)	(170.156.565)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	23.263.719.136	18.640.658.333
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>3.640.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	3.640.000.000
259	2. Dự phòng đầu tư dài hạn		(750.000.000)	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>117.371.148</b>	<b>-</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		117.371.148	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>213.202.409.888</b>	<b>208.101.321.346</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>57.706.696.485</b>	<b>89.207.729.248</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>55.899.041.969</b>	<b>85.799.752.526</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	4.804.943.086	63.993.058.116
312	2. Phải trả người bán		16.660.304.661	7.575.667.406
313	3. Người mua trả tiền trước		6.246.900.005	2.269.516.488
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.358.707.080	5.249.510.622
315	5. Phải trả người lao động		1.281.948.644	770.973.741
316	6. Chi phí phải trả	16	12.979.402.708	4.820.704.335
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		4.566.835.785	1.120.321.818
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.807.654.516</b>	<b>3.407.976.722</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	17	-	1.693.310.834
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.807.654.516	1.714.665.888
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>155.495.713.403</b>	<b>118.893.592.098</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>155.495.713.403</b>	<b>118.893.592.098</b>
411	1. Vốn cổ phần		125.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.778.796.500	63.778.796.500
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.817.886.084	3.817.886.084
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.160.418.827	1.160.418.827
420	5. Lỗ lũy kế		(38.261.388.009)	(49.863.509.313)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>213.202.409.888</b>	<b>208.101.321.346</b>

• CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VNĐ)	228.983.844	1.324.591.420
2. Ngoại tệ các loại – Đô la Mỹ	127.779	353

**Lê Ngọc Hùng**  
Trưởng phòng kế toán  
Ngày 31 tháng 3 năm 2010



**Nguyễn Thị Hồng**  
Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	286.234.571.718	353.856.434.568
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(11.278.729.566)	(4.013.410.851)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		274.955.842.152	349.843.023.717
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(202.006.806.553)	(286.881.280.975)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		72.949.035.599	62.961.742.742
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	515.296.822	2.896.902.106
22	7. Chi phí tài chính	21	(7.835.863.645)	(17.046.408.345)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.192.084.188)	(9.753.875.584)
24	8. Chi phí bán hàng		(42.471.446.012)	(77.270.657.997)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(9.920.426.058)	(12.592.033.728)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		13.236.596.706	(41.050.455.222)
31	11. Thu nhập khác	22	271.602.416	10.264.025.024
32	12. Chi phí khác	22	(225.812.121)	(14.082.922.862)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		45.790.295	(3.818.897.838)
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		13.282.387.001	(44.869.353.060)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(421.643.480)	(262.182.615)
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		12.860.743.521	(45.131.535.675)
70	17. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - Lãi cơ bản		1.029	(4.513)



**Lê Ngọc Hùng**

Trưởng phòng kế toán

Ngày 31 tháng 3 năm 2010



**Nguyễn Thị Hồng**

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>• Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>13.282.387.001</b>	<b>(44.869.353.060)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
		9,		
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10,11	14.325.379.690	10.953.875.798
03	Các khoản dự phòng		(25.061.830.623)	28.674.554.719
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		547.274.978	(106.641.226)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư, thanh lý tài sản cố định		-	1.482.734.310
06	Chi phí lãi vay		3.192.084.188	9.753.875.584
07	Thu nhập lãi cho vay		(378.387.467)	(2.090.058.557)
<b>08</b>	<b>• Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>5.906.907.766</b>	<b>3.798.987.568</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(15.561.277.777)	30.992.548.871
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		42.246.129.908	(57.603.329.466)
11	Tăng các khoản phải trả		28.667.595.461	12.154.669.127
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.641.217.352)	925.324.705
13	Tiền lãi vay đã trả		(3.192.084.188)	(9.753.875.584)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(502.939.821)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.258.622.216)	(4.882.801.322)
<b>20</b>	<b>• Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>53.167.431.602</b>	<b>(24.871.415.922)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		(6.722.744.565)	(11.317.428.311)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	9.982.881.363
24	Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		1.540.000.000	36.223.520.000
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.650.000.000
28	Tiền lãi		378.387.467	2.090.058.557
<b>30</b>	<b>• Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.804.357.098)</b>	<b>39.629.031.609</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		25.000.000.000	-
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		91.543.481.203	253.944.798.181
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(151.033.743.906)	(269.492.841.597)
36	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(1.578.423.163)	(5.677.531.329)
37	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông		-	(5.000.000.000)
38	Các khoản lưu chuyển khác từ hoạt động tài chính		-	(122.794.775)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(36.068.685.866)	(26.348.369.520)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.294.388.638	(11.590.753.833)
60	Tiền đầu năm		3.626.960.318	15.111.072.925
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(68.860.815)	106.641.226
70	Tiền cuối năm	5	15.852.488.141	3.626.960.318



**Lê Ngọc Hùng**

Trưởng phòng kế toán

Ngày 31 tháng 3 năm 2010




**Nguyễn Thị Hồng**

Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 398 người ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 361 người).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đồng tiền kế toán**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	4 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 - 5 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương tháng bình quân sử dụng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh tại cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Bất kỳ khoản trích thêm nào đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Xử lý kế toán theo VAS 10</b>	<b>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</b>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 26.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.14 Thuế (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**4. TRÌNH BÀY LẠI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NĂM TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số báo cáo trước khi trình bày lại</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Số trình bày lại</i>
Lãi lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2007	5.131.869.730	(4.625.248.883)	506.620.847
Lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	(37.277.054.788)	(6.847.213.641)	(44.124.268.429)
Chi cổ tức	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Giảm khác	(1.245.861.731)	-	(1.245.861.731)
Lỗ lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>(38.391.046.789)</u>	<u>(11.472.462.524)</u>	<u>(49.863.509.313)</u>

Việc trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước được thực hiện do ảnh hưởng của các điều chỉnh chủ yếu sau:

- Trích lập bổ sung dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do Công ty trích thiếu trong các năm trước là 1.670.965.514 VNĐ. Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 444.876.641 VNĐ, đồng thời làm giảm lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.226.088.873 VNĐ.
- Trích lập bổ sung thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bị phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế của Cục thuế Hà Nội cho các năm 2007 và 2008, cụ thể như sau:

	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.824.114.775	1.657.591.427
Phạt vi phạm về thuế	507.928.329	1.007.267.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	262.182.615	734.301.335

Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.824.114.775 VNĐ, tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 là 262.182.615 VNĐ, tăng chi phí khác là 507.928.329 VNĐ, đồng thời làm giảm lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 3.399.160.010 VNĐ.

Như vậy, tổng số thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty trong năm 2008 tăng thêm 5.173.095.713 VNĐ, do bị ảnh hưởng bởi các điều chỉnh sau:

- Điều chỉnh tăng thuế và các khoản phải nộp theo biên bản quyết toán thuế năm 2007 và 2008 với tổng số tiền 5.993.385.729 VNĐ;
  - Giảm thuế phải nộp do điều chỉnh số thuế GTGT được khấu trừ được chuyển trừ vào số thuế GTGT đầu ra với số tiền 569.016.368 VNĐ;
  - Điều chỉnh giảm thuế phải nộp do Công ty hạch toán trả thừa với số tiền 251.273.648 VNĐ.
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Công ty trích lập thiếu. Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng giá vốn hàng bán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 2.464.676.919 VNĐ, đồng thời làm tăng lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**4. TRÌNH BÀY LẠI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NĂM TRƯỚC (tiếp theo)**

- Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2008 nhưng chưa được ghi nhận do sai sót của kế toán với tổng số tiền là 1.343.434.362 VNĐ, trong đó:
  - Điều chỉnh tăng chi phí đối với các khoản chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng Công ty chưa trích vào chi phí số tiền 271.919.964 VNĐ;
  - Hạch toán tăng chi phí khoản tạm ứng không thu hồi được cho Công ty Luoyang do không đáp ứng hợp đồng mua hàng số tiền 271.632.000 VNĐ;
  - Hạch toán tăng khoản chi phí tài trợ giải bóng đá trong kỳ số tiền 380.727.273 VNĐ;
  - Trích lập dự phòng phải trả Công ty Bảo Việt về việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu số tiền 419.155.125 VNĐ.
- Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.343.434.362 VNĐ, đồng thời làm tăng lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị tương ứng.

Điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trong năm trước do không đúng tiêu chuẩn ghi nhận theo qui định. Việc trình bày lại số liệu đầu kỳ làm giảm nguyên giá tài sản cố định và khấu hao lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị tương ứng là 2.555.715.750 VNĐ và 54.317.214 VNĐ, đồng thời làm giảm các khoản phải trả, phải nộp khác là 2.501.495.836 VNĐ.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các điều chỉnh nêu trên được coi là điều chỉnh sai sót của các năm trước và do đó cần được trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước. Công ty đã điều chỉnh lại số liệu đầu kỳ trong các báo cáo tài chính để phản ánh sự ảnh hưởng của sai sót từ các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**4. TRÌNH BÀY LẠI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC NĂM TRƯỚC** (tiếp theo)

Chi tiết những ảnh hưởng của việc trình bày lại đối với các số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số báo cáo trước khi trình bày lại</i>	<i>Điều chỉnh tăng/(giảm)</i>	<i>Số trình bày lại</i>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Trả trước cho người bán	1.967.727.446	(271.632.000)	1.696.095.446
Các khoản phải thu khác	7.696.607	1.499.902.700	1.507.599.307
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.961.477.747)	(2.464.676.919)	(28.426.154.666)
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.012.969.106	(380.727.273)	632.241.833
Thuế GTGT được khấu trừ	569.016.368	(569.016.368)	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	261.872.322	(251.273.648)	10.598.674
Tài sản cố định hữu hình	79.704.705.054	15.296.704.178	95.001.409.232
<i>Nguyên giá</i>	125.168.269.097	20.310.071.311	145.478.340.408
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(45.463.564.043)	(5.013.367.133)	(50.476.931.176)
Tài sản cố định thuê tài chính	22.315.926.263	(15.296.704.178)	7.019.222.085
<i>Nguyên giá</i>	28.268.874.301	(20.310.071.311)	7.958.802.990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(5.952.948.038)	5.013.367.133	(939.580.905)
Tài sản cố định vô hình	2.667.531.792	(2.501.398.536)	166.133.256
<i>Nguyên giá</i>	2.892.005.571	(2.555.715.750)	336.289.821
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(224.473.779)	54.317.214	(170.156.565)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.850.000.000	(2.850.000.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	2.290.000.000	1.350.000.000	3.640.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	76.414.909	5.173.095.713	5.249.510.622
Chi phí phải trả	4.401.549.210	419.155.124	4.820.704.334
Các khoản phải trả khác	3.621.817.654	(2.501.495.836)	1.120.321.818
Dự phòng trợ cấp thôi việc	43.700.374	1.670.965.514	1.714.665.888
Lỗi lũy kế	(38.391.046.789)	(11.472.462.524)	(49.863.509.313)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(271.919.964)	271.919.964	-

**5. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	67.625.314	4.632.177
Tiền gửi ngân hàng	15.784.862.827	3.622.328.141
	<b>15.852.488.141</b>	<b>3.626.960.318</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	132.600.000	132.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(108.660.000)</u>	<u>(117.300.000)</u>
<b>Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>23.940.000</u></b>	<b><u>15.300.000</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	<i>132.600.000</i>	<i>132.600.000</i>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Phải thu Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn (*)	1.000.000.000	1.500.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Ô tô Việt nam (**)	3.091.488.000	-
Phải thu khác	<u>7.381.072</u>	<u>7.599.307</u>
	<b><u>4.098.869.072</u></b>	<b><u>1.507.599.307</u></b>

(\*) Đây là khoản vốn góp vào Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn để thành lập Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Đức Tấn - Sài Gòn trong năm 2007. Theo giấy phép kinh doanh số 0103017866 ngày 19 tháng 6 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, Công ty Cổ phần sữa Hà Nội góp 5.000.000.000 VNĐ, chiếm 16,13% tổng vốn góp. Trên thực tế, Công ty Cổ phần sữa Hà Nội đã góp vốn trong năm 2007 với tổng số tiền là 2.500.000.000 VNĐ.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, do các bên tham gia không định giá được giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn, theo đó Đại hội đồng cổ đông đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn và phần vốn góp của Công ty Cổ phần sữa Hà Nội sẽ được Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn hoàn trả dần. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, số tiền Công ty còn phải thu của Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn là 1.000.000.000 đồng. Theo biên bản xác nhận công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn cam kết sẽ thanh toán khoản công nợ nêu trên sau khi công ty hoàn thành việc quyết toán thuế đối với Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn.

(\*\*) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam và được trình bày như là một khoản công nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 do Công ty quyết định rút vốn khỏi Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam trong thời gian sắp tới. Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam còn bao gồm khoản phải thu tiền cho thuê nhà đất đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán. Khoản công nợ này đã được Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam xác nhận vào ngày 23 tháng 3 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng mua đang đi trên đường	19.410.583.708	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	22.719.385.958	80.634.000.795
Công cụ, dụng cụ	3.611.309.282	2.951.333.515
Thành phẩm	9.483.910.953	14.016.830.088
Hàng hóa	208.703.171	77.858.582
	<b><u>55.433.893.072</u></b>	<b><u>97.680.022.980</u></b>

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đầu năm	28.426.154.666	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm (*)	2.325.047.884	28.426.154.666
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(28.865.723.170)	-
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm</b>	<b><u>1.885.479.380</u></b>	<b><u>28.426.154.666</u></b>

Dự phòng trích lập trong năm phản ánh khoản dự phòng cho các nguyên vật liệu ứ đọng, chậm luân chuyển và Công ty không có kế hoạch sử dụng trong tương lai. Các nguyên vật liệu này có giá trị gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu năm (trình bày lại)	28.353.597.435	105.114.854.872	9.412.909.599	2.553.214.866	43.763.636	145.478.340.408
- Mua trong năm	-	2.051.703.095	-	47.980.667	-	2.099.683.762
Số dư cuối năm	<u>28.353.597.435</u>	<u>107.166.557.967</u>	<u>9.412.909.599</u>	<u>2.553.214.866</u>	<u>43.763.636</u>	<u>147.578.024.170</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số dư đầu năm (trình bày lại)	9.458.524.621	37.050.305.297	2.610.718.058	1.333.455.417	23.927.783	50.476.931.176
- Khấu hao trong năm	2.136.318.818	9.687.507.590	1.307.066.976	416.118.774	9.411.092	13.556.423.250
Số dư cuối năm	<u>11.594.843.439</u>	<u>46.737.812.887</u>	<u>3.917.785.034</u>	<u>1.749.574.191</u>	<u>33.338.875</u>	<u>64.033.354.426</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu năm (trình bày lại)	<u>18.895.072.814</u>	<u>68.064.549.575</u>	<u>6.802.191.541</u>	<u>1.219.759.449</u>	<u>19.835.852</u>	<u>95.001.409.232</u>
Số dư cuối năm	<u>16.758.753.996</u>	<u>60.428.745.080</u>	<u>5.495.124.565</u>	<u>851.621.342</u>	<u>15.130.304</u>	<u>83.544.669.744</u>

Một phần tài sản của công ty được cầm cố theo các hợp đồng thế chấp với các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VNĐ*

*Máy móc thiết bị*

**Nguyên giá:**

Số dư đầu năm (trình bày lại)	7.958.802.990
- Thuê trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>7.958.802.990</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số dư đầu năm (trình bày lại)	939.580.905
- Khấu hao trong năm	707.820.719
Số dư cuối năm	<u>1.647.401.624</u>

**Giá trị còn lại:**

Số dư đầu năm (trình bày lại)	<u>7.019.222.085</u>
Số dư cuối năm	<u>6.311.401.366</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>33.412.943</u>	<u>288.376.878</u>	<u>14.500.000</u>	<u>336.289.821</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	4.191.171	157.255.284	8.710.110	170.156.565
- Tặng trong năm	3.246.864	55.958.893	1.929.964	61.135.721
Số dư cuối năm	<u>7.438.035</u>	<u>213.214.177</u>	<u>10.640.074</u>	<u>231.292.286</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	<u>29.221.772</u>	<u>131.121.594</u>	<u>5.789.890</u>	<u>166.133.256</u>
Số dư cuối năm	<u>25.974.908</u>	<u>75.162.701</u>	<u>3.859.926</u>	<u>104.997.535</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quyền sử dụng đất tại chi nhánh Bình Dương (*)	14.275.664.796	14.124.614.691
Công trình nhà máy VIHAMI (**)	1.674.683.103	1.674.683.103
Dây chuyền sản xuất (**)	2.819.047.619	2.819.047.619
Công trình hệ thống điện nhà máy	-	22.312.920
Sửa chữa lớn dây chuyền sản xuất	4.494.323.618	-
	<b><u>23.263.719.136</u></b>	<b><u>18.640.658.333</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền thuê đất Công ty đã thanh toán theo hợp đồng thuê đất ngày 6 tháng 6 năm 2007 được ký giữa Công ty Thiên Nam và Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội với mục đích xây dựng nhà máy chế biến sữa tại Bình Dương. Công ty đã quyết định thanh lý Dự án trên trong năm 2010, do Công ty xác định diện tích đất cho xây dựng nhà máy chưa đáp ứng đủ diện tích và gặp phải khó khăn trong việc xin cấp giấy phép vệ sinh môi trường.

(\*\*) Đây là chi phí xây dựng, sửa chữa nhà xưởng và chi phí đầu tư mua sắm, lắp đặt thiết bị dây chuyền cho dự án sản xuất và chế biến nước hoa quả tại Đông Anh. Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 03 tháng 02 năm 2010, Công ty quyết định bán thanh lý dự án này trong năm 2010 do việc đầu tư vào các dự án không có hiệu quả kinh tế cao. Hiện tại, Công ty đang xúc tiến tìm các đối tác nhằm sớm thanh lý dự án theo kế hoạch.

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
<b>Đầu tư dài hạn khác:</b>		
Đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	-	40.000.000
Đầu tư vào Công ty CP phát triển siêu thị Hapro Thanh Hóa	750.000.000	750.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt Nam	-	2.850.000.000
<b>Dự phòng đầu tư dài hạn (*)</b>	<b>(750.000.000)</b>	-

(\*) Theo số liệu sổ sách của Công ty, vào ngày 31 tháng 8 năm 2007 và 20 tháng 11 năm 2007, Công ty chuyển tiền góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa với số tiền 750.000.000 đồng. Ngày 13 tháng 11 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa đã quyết định dừng kinh doanh do hoạt động kinh doanh thua lỗ. Theo báo cáo tài chính của Công ty này, số tài sản còn lại không đủ để trả các khoản nợ. Do vậy Công ty có nguy cơ mất toàn bộ số tiền góp vốn là 750.000.000 đồng. Số tiền này đã được Công ty trích lập dự phòng trong năm 2009.

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng ngắn hạn	2.145.955.303	61.582.194.479
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 17)	2.658.987.783	2.410.863.637
	<b><u>4.804.943.086</u></b>	<b><u>63.993.058.116</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn được trình bày dưới đây:

	31 tháng 12 năm 2009	Giá trị	Lãi suất gốc năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phúc Yên	2.145.955.303	119.611,8 USD	5,3% - 5,5%	Nợ gốc sẽ được trả sau 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng
	<b>2.145.955.303</b>			

Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty bao gồm toàn bộ thiết bị sản xuất và các thiết bị phụ trợ khác với giá trị ước tính là 32.740.000.000 VNĐ.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Thuế giá trị gia tăng	6.348.353.035	2.938.463.524
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	1.166.853.782	745.210.302
Các loại thuế khác	1.843.500.263	1.565.836.796
•	<b>9.358.707.080</b>	<b>5.249.510.622</b>

Theo Quyết định của Cục thuế thành phố Hà Nội, Công ty bị truy thu thêm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và bị phạt vi phạm về thuế cho các năm 2007 và 2008 với tổng số tiền là 5.993.385.729 VNĐ. Chi tiết các loại thuế cho từng năm được chi tiết tại thuyết minh số 4 – Trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Phải trả các đại lý phân phối	10.969.083.884	4.276.003.754
Phải trả khác	2.010.318.824	544.700.581
•	<b>12.979.402.708</b>	<b>4.820.704.335</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ dài hạn	-	-
Thuê tài chính	2.658.987.783	4.104.174.471
	<b><u>2.658.987.783</u></b>	<b><u>4.104.174.471</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)</i>	2.658.987.783	2.410.863.637
<i>Nợ dài hạn</i>	-	1.693.310.834

Công ty hiện đang thuê các loại máy móc và thiết bị theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
<b><i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i></b>						
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	2.784.425.259	125.437.476	2.658.987.783	2.564.172.126	153.308.489	2.410.863.637
<b><i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i></b>						
<i>Trên 1-5 năm</i>	-	-	-	1.746.795.736	53.484.902	1.693.310.834
<i>Trên 5 năm</i>	-	-	-	-	-	-
	<b><u>2.784.425.259</u></b>	<b><u>125.437.476</u></b>	<b><u>2.658.987.783</u></b>	<b><u>4.310.967.862</u></b>	<b><u>206.793.391</u></b>	<b><u>4.104.174.471</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>						
Số dư đầu năm	100.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	5.131.869.630	173.888.971.041
- Lỗi trong năm	-	-	-	-	(45.131.535.675)	(45.131.535.675)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(4.863.843.268)	(4.863.843.268)
Số dư cuối năm	<u>100.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(49.863.509.313)</u>	<u>118.893.592.098</u>
<b>Năm nay</b>						
Số dư đầu năm	100.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	(49.863.509.313)	118.893.592.098
- Góp vốn	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	12.860.743.521	12.860.743.521
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.258.622.216)	(1.258.622.216)
Số dư cuối năm	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(38.261.388.009)</u>	<u>155.495.713.403</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Vốn góp của cổ đồng	125.000.000.000	125.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn đầu tư đã góp của cổ đông</b>		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	25.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>125.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**18.4 Cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	5.000.000.000
<i>Cổ tức cho năm 2007: VNĐ500/cổ phiếu</i>	-	5.000.000.000

**18.5 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>12.500.000</b>	<b>10.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>12.500.000</b>	<b>10.000.000</b>
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	12.500.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	10.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>12.500.000</b>	<b>10.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (Ngày 31 tháng 12 năm 2008: 10.000 VNĐ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>286.234.571.718</b>	<b>353.856.434.568</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	286.234.571.718	353.856.434.568
• <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(11.278.729.566)</b>	<b>(4.013.410.851)</b>
Chiết khấu thương mại	(10.350.062.461)	(4.013.410.851)
Hàng bán bị trả lại	(928.667.105)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>274.955.842.152</b>	<b>349.843.023.717</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	274.955.842.152	349.843.023.717

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	- 378.387.467	- 1.858.636.365
Cổ tức thu được từ đầu tư	-	231.422.192
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	126.919.355	688.077.618
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	118.134.302
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.990.000	631.629
	<b>515.296.822</b>	<b>2.896.902.106</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	228.547.481.839	258.455.126.309
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.865.723.170)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.325.047.884	28.426.154.666
	<b>202.006.806.553</b>	<b>286.881.280.975</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	3.192.084.188	9.753.875.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.017.513.668	7.149.304.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	547.274.978	11.493.076
Chi phí tài chính khác	78.990.811	131.735.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**7.853.863.645**      **17.046.408.345**

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

*Đơn vị tính: VNĐ*

*Năm nay*                      *Năm trước*

<b>Thu nhập khác</b>	<b>271.602.416</b>	<b>10.264.025.024</b>
Thu thanh lý tài sản	-	9.982.881.363
Tiền thuê đất	268.800.000	268.800.000
Thu nhập khác	2.802.416	12.343.661
<b>Chi phí khác</b>	<b>225.812.121</b>	<b>14.082.922.862</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	-	11.465.615.673
Chi phí thuê đất	216.666.666	316.666.667
Chi phí khác	9.145.455	2.300.640.522
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>45.790.295</u></b>	<b><u>(3.818.897.838)</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VNĐ*

*Năm nay*                      *Năm trước*

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.665.647.306	244.865.398.932
Chi phí nhân công	26.434.716.601	19.201.990.274
Chi phí khấu hao tài sản	14.457.183.836	11.038.501.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.669.781.180	15.497.010.041
Chi phí khác	34.171.349.701	86.141.071.609
	<b><u>254.398.678.624</u></b>	<b><u>376.743.972.700</u></b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

***Hoạt động sản xuất và chế biến sữa:***

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong 10 năm đầu tiên là 20%, thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%. Công ty phát sinh lợi nhuận kinh doanh đầu tiên trong năm 2004.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm là 10 % lợi nhuận chịu thuế.

***Hoạt động kinh doanh thương mại:***

Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	421.643.480	262.182.615
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu/ (thừa) năm trước	-	734.301.335
	<b><u>421.643.480</u></b>	<b><u>996.483.950</u></b>

**24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>13.282.387.001</b>	<b>(44.869.353.060)</b>
<b>Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>(9.065.952.196)</b>	<b>(1,161,764,585)</b>
Thu nhập đã ghi nhận năm trước	-	(1.500.000.000)
Trích trợ cấp thôi việc vượt quá qui định	639.009.093	444.876.641
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho không được giảm trừ kỳ trước	(10.093.596.576)	-
Phân bổ công cụ dụng cụ	(109.960.135)	-
Lỗi đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	414.038.502	(106.641.226)
Lãi suất quá kỳ hạn chưa trả	84.556.920	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>4.216.434.805</b>	<b>(46,031,117,645)</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b><u>4.216.434.805</u></b>	<b><u>(46,031,117,645)</u></b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	<b>421.643.480</b>	262.182.615
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>745.210.302</b>	<b>251.666.173</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) kỳ trước	-	734.301.335
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(502.939.821)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>1.166.853.782</u></b>	<b><u>745.210.302</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới và Sản phẩm mới	Công ty đầu tư	Góp vốn		12.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh	Công ty đầu tư	Góp vốn		12.500.000.000
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng			1.178.338.538	890.870.100
			<b>1.178.338.538</b>	<b>890.870.100</b>

**26.**

**ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.11, trong năm 2009, Công ty đã tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo chuẩn mức kế toán VAS 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201.

Nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm 2009, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sẽ như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>VAS 10</i>	<i>Thông tư 201</i>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		<i>Chênh lệch</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	- 414.038.502	(414.038.502)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá thuần	414.038.502	- 414.038.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**27. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG**

**27.1 Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	608.012.875	474.679.542
Từ 1 đến 5 năm	2.640.064.375	2.640.064.375
Trên 5 năm	8.084.875.540	8.084.875.540
	<b><u>11.332.952.790</u></b>	<b><u>11.199.619.457</u></b>

Các khoản tiền thuê phải trả bao gồm nghĩa vụ theo hợp đồng thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm VIHAMI được ký ngày 1 tháng 5 năm 2007 và hợp đồng thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm VIAN được ký ngày 1 tháng 9 năm 2008. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ theo hợp đồng thuê đất được ký ngày 26 tháng 6 năm 2002 với đơn giá 5.250 VNĐ/m<sup>2</sup>/năm cho tổng diện tích đất là 39.621.5 m<sup>2</sup> cho lô đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh. Hợp đồng thuê đất có hiệu lực trong thời gian 49 năm, kể từ ngày 6 tháng 2 năm 2002.

**27.2 Nợ tiềm tàng về thuế Giá trị gia tăng**

Trong năm, Công ty đã hạch toán và ghi nhận vào chi phí bán hàng khoản khuyến mại hàng hóa với số tiền 8.287.301.541 VNĐ. Tuy nhiên, Công ty đã nộp công văn số 90/2009/CV-HNM ngày 14 tháng 8 năm 2009 đề nghị xin sửa đổi khoản khuyến mại trên thành hình thức chiết khấu thương mại và giảm trừ trực tiếp đối với doanh thu phát sinh trong năm. Do chưa có công văn chấp thuận và đơn vị chưa được cơ quan thuế kiểm tra, khoản chiết khấu thương mại trên có thể bị coi là chi phí khuyến mại trong năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng chưa đăng ký đầy đủ các chương trình khuyến mại trong năm theo Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2006 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, theo đó có thể dẫn đến các khoản khuyến mại trên bị coi là chi phí biếu tặng và chịu thuế Giá trị gia tăng theo như Thông tư 129/2008/TT- BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Trường hợp chi phí khuyến mại nêu trên bị coi là chi phí biếu tặng, Công ty sẽ phải chịu thêm thuế Giá trị gia tăng với số tiền là 861.246.496 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 3 tháng 2 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội đã họp với sự tham gia của Đại diện Ban kiểm soát và các thành viên cũ của Hội đồng Quản trị để giải quyết các tồn đọng từ các năm trước để lại. Hội đồng quản trị đã quyết nghị như sau:

1. *Thanh lý Dự án sản xuất nước hoa quả tại Công ty cổ phần VIAN (Địa chỉ: Đông Anh, Hà Nội)*

Theo số liệu sổ sách của Công ty, từ ngày 1 tháng 5 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã đầu tư vào dự án nêu trên với tổng chi phí phát sinh vào dự án tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 5.266.917.960 đồng, bao gồm tiền mua dây chuyền thiết bị số tiền 2.819.047.619 đồng, chi phí sửa chữa nhà xưởng số tiền 1.674.683.103 đồng và chi phí thuê mặt bằng và vật tư lắp đặt khác số tiền 773.086.967 đồng.

2. *Bán thanh lý khu đất có diện tích 15.161,9 m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Dệt May Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, và hủy dự án nhà máy chế biến sữa dự định xây dựng trên khu đất này do Công ty xác định diện tích đất cho xây dựng nhà máy chưa đáp ứng đủ diện tích và gặp phải khó khăn trong việc xin cấp giấy phép vệ sinh môi trường.*

Theo số liệu sổ sách của Công ty, từ ngày 9 tháng 7 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chi tổng cộng 15.414.813.803 đồng để thuê đất và giải phóng mặt bằng khu đất nói trên. Năm 2009, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (45 năm).

3. *Thu hồi công nợ đối với phần góp vốn vào Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn*

Theo số liệu sổ sách và hồ sơ lưu tại Công ty, vào ngày 22 tháng 5 năm 2007, Hội đồng quản trị Công ty quyết định tham gia cùng một số đối tác góp vốn vào Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn để chuyển đổi Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Bao Bì Đức Tấn - Sài Gòn. Theo đó, ngày 29 tháng 6 năm 2007, Công ty đã chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn số tiền 2.500.000.000 đồng. Do không xác định được giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn, nên ngày 15 tháng 10 năm 2007 các cổ đông đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Bao Bì Đức Tấn - Sài Gòn và Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty Cổ phần sữa Hà Nội số tiền đã góp vốn là 2.500.000.000 đồng. Thời hạn hoàn trả là trước ngày 30 tháng 6 năm 2008, nếu quá thời gian nêu trên, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn phải trả lãi trả chậm theo lãi suất của ngân hàng. Trong năm 2009, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn đã thanh toán một phần công nợ nêu trên. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn mới hoàn trả cho Công ty Cổ phần sữa Hà Nội với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2010, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn có xác nhận sẽ thanh toán công nợ còn tồn đọng sau khi Công ty Cổ phần Bao Bì Đức Tấn Sài Gòn quyết toán thuế xong.

4. *Thu hồi công nợ đối với số tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam và tiền cho thuê nhà đất quá hạn nhưng chưa được thanh toán*

Theo số liệu sổ sách và hồ sơ lưu tại Công ty, từ ngày 27 tháng 9 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam với số tiền góp vốn là 2.850.000.000 đồng. Công ty đã có văn bản xin rút vốn và đã được Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam đồng ý. Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam vẫn chưa hoàn trả cho Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội số tiền góp vốn là 2.850.000.000 đồng. Khoản công nợ này đã được Công ty xác nhận vào ngày 23 tháng 3 năm 2010.

Ngoài ra, vào ngày 15 tháng 12 năm 2007, Công ty ký hợp đồng cho Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam thuê diện tích nhà đất là 5.600 m<sup>2</sup> với thời gian thuê 10 năm (bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2008). Tổng số tiền cho thuê là 2.688.000.000 đồng và thanh toán 5 năm/1 lần. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam mới hoàn trả cho Công ty số tiền thuê đất là 1.102.512.000 đồng. Số tiền thuê đất còn phải trả cho 5 năm đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

tiền là 241.488.000 đồng vẫn chưa được thanh toán. Khoản công nợ này cũng đã được Công ty Cổ phần ô tô Việt Nam xác nhận vào ngày 23 tháng 3 năm 2010.

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN** (tiếp theo)

*5. Giải thể Công ty Cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa*

Theo số liệu sổ sách của Công ty, vào ngày 31 tháng 8 năm 2007 và 20 tháng 11 năm 2007, Công ty chuyển tiền góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa với số tiền 750.000.000 đồng. Ngày 13 tháng 11 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa đã quyết định dừng kinh doanh do hoạt động kinh doanh thua lỗ. Theo báo cáo tài chính của Công ty này, số tài sản còn lại không đủ để trả các khoản nợ. Do vậy Công ty có nguy cơ mất toàn bộ số tiền góp vốn là 750.000.000 đồng. Số tiền này đã được Công ty trích lập dự phòng trong năm 2009.

*6. Các khoản dự phòng*

Theo báo cáo của Ban giám đốc Công ty, đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty chưa thu hồi được 953.325.000 đồng tiền bán sữa bột cho Công ty TNHH Giang Hoài và Công ty Cổ phần thương mại Hà Ninh. Ngoài ra, Công ty đang tồn kho lô linh kiện đã mua từ các năm trước với tổng số tiền 3.236.010.370 đồng.

Tuy nhiên, trong Báo cáo tài chính năm 2009, Công ty mới chỉ trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hoa với số tiền 750.000.000 đồng và trích lập dự phòng 30% cho khoản công nợ đối với tiền bán sữa bột 953.325.000 đồng. Việc thanh lý, thu hồi công nợ và xử lý các tồn tại như trên có thể tạo ra các khoản lỗ cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo.



**Lê Ngọc Hùng**  
Trưởng phòng kế toán  
Ngày 31 tháng 3 năm 2010



**Nguyễn Thị Hồng**  
Tổng Giám đốc